

BAC A BANK 

NGÂN HÀNG TMCP BẮC Á

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



MỤC LỤC

1. TỔNG QUAN	1
1.1. Thông tin chung về BAC A BANK	1
1.2. Quá trình hình thành - phát triển	2
1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
1.4. Mô hình tổ chức quản lý	7
1.5. Định hướng phát triển	8
1.6. Các rủi ro trong hoạt động kinh doanh	9
2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022	11
2.1. Hoạt động kinh doanh năm 2022	11
2.2. Tổ chức và nhân sự	13
2.3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	18
2.4. Tình hình tài chính	19
2.5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi Vốn chủ sở hữu	20
2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	20
3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	22
3.1. Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh	22
3.2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính nổi bật	25
3.3. Kế hoạch phát triển	27
4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của BAC A BANK	28
4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành	29
4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	30
5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	31

1. TỔNG QUAN

1.1. Thông tin chung về BAC A BANK

1.1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á**
- Tên tiếng Anh: **BAC A COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**
- Tên viết tắt: **BAC A BANK**
- Mã cổ phiếu: **BAB**
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: **2900325526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp**
- Vốn điều lệ: **8.133.863.400.000 VND**
(Tám nghìn một trăm ba mươi ba tỷ tám trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng)
- Giấy phép thành lập và hoạt động: **47/GPNHNN**
- Địa chỉ: **Số 117 Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An**
- Số điện thoại: **(84-238) 3844277**
- Số fax: **(84-238) 3841757**
- Website: **<http://www.baca-bank.vn>**

1.1.2. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

- **Tầm nhìn**

Ngân hàng TMCP Bắc Á kiên trì phấn đấu để luôn là một ngân hàng giữ tâm sáng như sao, tạo ra một thể hệ khách hàng phát triển bền vững, đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục... Với tư duy vượt trội, tính tiên phong, chuyên nghiệp, cải tiến không ngừng, vì hạnh phúc đích thực của mỗi con người, quyết tâm làm giàu chính đáng, mang lại giá trị bền vững cho các nhà đầu tư và ảm no hạnh phúc cho cộng đồng.

Trong giai đoạn tới đây, BAC A BANK sẽ là một ngân hàng đa năng, bên cạnh nghiệp vụ tư vấn đầu tư mang lại những thành công nổi bật - làm nên một con đường khác biệt, hướng tới sự phát triển bền vững. BAC A BANK cũng sẽ tập trung nguồn lực phát triển các dịch vụ tài chính - ngân hàng, xây dựng danh mục sản phẩm đa dạng, linh hoạt và hấp dẫn. Điều này xuất phát từ triết lý kinh doanh: “Đặt lợi ích riêng của mình nằm trong lợi ích chung của quốc gia, không tìm mọi cách tối đa hoá lợi nhuận mà luôn tìm cách hài hoà giữa các lợi ích để tất cả đều có một tương lai bền vững và cuộc sống hạnh phúc hơn”.

- **Sứ mệnh**

Ngân hàng TMCP Bắc Á tư vấn và phục vụ cho một thể hệ các doanh nghiệp phát triển bền vững, tạo ra giá trị cốt lõi, mang lại giá trị đích thực cho cộng đồng và thân thiện với môi trường.

- **Giá trị cốt lõi**

- Tiên phong
- Chuyên nghiệp
- Đáng tin cậy
- Cải tiến không ngừng
- Vì hạnh phúc đích thực

1.2. Quá trình hình thành - phát triển

Ngân hàng TMCP Bắc Á được thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với số vốn ban đầu chỉ có 20 tỷ đồng cùng 01 điểm giao dịch duy nhất đồng thời là Trụ sở chính và 08 thành viên đầu tiên. Trải qua hơn 28 năm, Ngân hàng đã từng bước chuyển mình mạnh mẽ với nhiều thành tựu và những dấu son đáng nhớ:

Năm 1995 đánh dấu mốc khởi đầu cho sự mở rộng về mạng lưới hoạt động của BAC A BANK với Chi nhánh đầu tiên được khai trương: Chi nhánh Hà Nội.

Năm 2004, BAC A BANK chính thức có mặt tại khu vực kinh tế trọng điểm miền Nam, đánh dấu bởi lễ khai trương Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Năm 2008, Ngân hàng thực hiện chuyển đổi mô hình từ phi tập trung, phân tán sang mô hình tập trung; đồng thời, phân tách công việc, nhiệm vụ theo từng Khối/ Ban/ Phòng chức năng chuyên trách nhằm chuyên môn hóa nghiệp vụ để hướng tới mô hình tổ chức của một ngân hàng hiện đại.

Năm 2009 - 2010, Ngân hàng trang bị hệ thống giải pháp ngân hàng lõi (Core Banking), thiết lập nền tảng công nghệ mạnh mẽ để BAC A BANK tạo ra các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường tài chính tiền tệ trong nước.

Năm 2011, BAC A BANK ghi dấu ấn quan trọng khi chính thức công bố sự kiện ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới vào ngày 21/12/2011: Biểu trưng mang hình ảnh hoa sen cách điệu, tượng trưng cho tâm sáng, cho trí tuệ, cho triết lý nhân sinh, sự tận tụy, khát khao vươn lên và lạc quan về tương lai tươi sáng.

Năm 2012, Dự án sửa TH true MILK do BAC A BANK tư vấn đầu tư đã thành công khi chính thức ra mắt thị trường và đặt nền móng cho ngành công nghiệp sửa tươi sạch Việt Nam.

Năm 2014, nhân lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập, BAC A BANK vinh dự được nhận Cờ thi đua của Chính phủ trao tặng, cá nhân Bà Thái Hương - Tổng Giám đốc BAC A BANK được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

Năm 2015, BAC A BANK cơ bản hoàn thành kế hoạch hoạt động 05 năm (2011 - 2015) và đạt nhiều kết quả tích cực. BAC A BANK đã vinh dự nhận giải thưởng "Ngân hàng tiêu biểu trong phát triển bền vững vì cộng đồng năm 2015" vì những hoạt động xuất sắc và nỗ lực không ngừng trong hoạt động tư vấn đầu tư cho các dự án ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, mang lại giá trị cốt lõi cho toàn xã hội, vì sức khỏe cộng đồng, giải thưởng do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG trao tặng, dưới sự bảo trợ của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam.

Năm 2016, BAC A BANK chính thức hoàn thành việc tăng Vốn điều lệ lên 5.000 tỷ đồng, mở rộng mạng lưới với 97 điểm giao dịch trên 18 tỉnh thành phố khắp cả nước. Cũng trong năm 2016, BAC A BANK lần thứ 2 nhận giải thưởng "Ngân hàng Vì Cộng đồng" và giải thưởng "Sản phẩm ngân hàng sáng tạo tiêu biểu 2016" do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG trao tặng; giải thưởng "Ngân hàng dẫn đầu Trách nhiệm xã hội Việt Nam 2016" do Tạp chí International Finance Magazine (IFM) trao tặng. Tổng Giám đốc - Bà Thái Hương lần thứ 2 được vinh danh trong Top 50 nữ doanh nhân quyền lực nhất Châu Á do Tạp chí Forbes bình chọn.

Năm 2017, cổ phiếu của BAC A BANK với mã BAB chính thức được giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom vào ngày 28/12/2017. Trong năm, BAC A BANK vinh dự được nhận giải "Top 10 thương hiệu dẫn đầu Việt Nam" do Hiệp hội Khoa học Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam tổ chức và 02 giải thưởng "Vì Cộng đồng", "Ngân hàng tiêu biểu tư vấn đầu tư nông nghiệp công nghệ cao 2017" do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG trao tặng. Cũng trong năm 2017, Bà Tổng Giám đốc Thái Hương được tạp chí IFM trao tặng giải thưởng "Lãnh đạo truyền cảm hứng của năm".

Năm 2018, BAC A BANK vinh dự đạt 2 giải thưởng "Ngân hàng hỗ trợ tư vấn đầu tư công nghệ cao cho nông nghiệp sạch 2018" và "Ngân hàng có sản phẩm, dịch vụ sáng tạo tiêu biểu năm 2018" thuộc hệ thống Giải thưởng Ngân hàng tiêu biểu Việt Nam 2018 do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG trao tặng. Tại Lễ trao giải Ngân hàng tiêu biểu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương năm 2018 của Tạp chí IFM, BAC A BANK được vinh danh với hai giải thưởng "Ngân hàng Việt Nam tiên phong tư vấn đầu tư các dự án nông nghiệp sạch ở nước ngoài" và Tổng Giám đốc BAC A BANK - Bà Thái Hương năm thứ hai liên tiếp nhận giải thưởng "Lãnh đạo truyền cảm hứng của năm". Cũng trong năm 2018, Bà Thái Hương đã đoạt giải Vàng hạng mục Doanh nhân xuất sắc của năm với Giải thưởng Kinh doanh Quốc tế 2018 (International Business Awards - IBA Stevie Awards).

Năm 2019, nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập, BAC A BANK đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước, Cờ thi đua xuất sắc và Bằng khen của UBND tỉnh Nghệ An và Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Bên cạnh đó, trong năm 2019, BAC A BANK cũng đã giành giải thưởng "Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng xanh" trong khuôn khổ "Giải thưởng Ngân hàng tiêu biểu Việt Nam 2019 - Vietnam Outstanding Banking Awards 2019" (VOBA) do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG và Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam phối hợp tổ chức. Trong năm, lãnh đạo BAC A BANK tiếp tục được vinh danh và trao tặng các giải thưởng uy tín. Tại Diễn đàn Tri thức Thế giới - World Knowledge Forum 2019 diễn ra ở Seoul (Hàn Quốc), Bà Thái Hương - Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á đã được tôn vinh với Giải thưởng Nữ doanh nhân Quyền lực, trao tặng riêng cho doanh nhân đạt nhiều thành tích trong kinh doanh và là hình mẫu để truyền cảm hứng và động lực tới thế hệ phụ nữ trẻ trong cộng đồng ASEAN.

Năm 2020, BAC A BANK hoàn thành tăng Vốn điều lệ lên 7.085 tỷ đồng, mạng lưới hoạt động đạt 145 điểm giao dịch trên cả nước. Đây là sự đánh dấu bước đi quan trọng trong chiến lược phát triển lâu dài của BAC A BANK, thể hiện quyết tâm đưa Ngân hàng trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu với định hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả và bền vững. Ngày 29/12/2020, Ngân hàng TMCP Bắc Á đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 03/03/2021, cổ phiếu mã BAB của Ngân hàng TMCP Bắc Á đã chính thức được niêm yết trên sàn HNX. Trong năm 2020, Tổng Giám đốc Thái Hương vinh dự được đón nhận Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới - danh hiệu cao quý nhất mà Đảng và Nhà nước trao tặng. Bên cạnh đó, nhờ những đóng góp tích cực trong nhiều hoạt động an sinh xã hội ý nghĩa những năm vừa qua, BAC A BANK lần thứ 6 liên tiếp được nhận giải thưởng "Ngân hàng tiêu biểu Vì Cộng đồng".

Năm 2021, BAC A BANK liên tục triển khai nhiều giải pháp kịp thời, đồng bộ và quyết liệt, phù hợp với diễn biến mới của dịch Covid - 19, tiêu biểu là các chương trình, sản phẩm cho vay với lãi suất ưu đãi,

cạnh tranh. Điều này một lần nữa khẳng định vai trò và trách nhiệm của BAC A BANK trong việc thực hiện chính sách tiền tệ, chung tay cùng cả nước đẩy lùi dịch bệnh, duy trì và phát triển kinh tế sau đại dịch. Đầu năm 2022, Anh hùng lao động Thái Hương, Tổng Giám đốc của BAC A BANK được Forbes tôn vinh trong danh sách **“Forbes 50 Over 50 Asia 2022”** - Vinh danh 50 phụ nữ Châu Á trên 50 tuổi có sức ảnh hưởng lớn, tích cực ở tầm quốc tế.

Năm 2022, trong bối cảnh nền kinh tế trong nước phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch song vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức đan xen, BAC A BANK tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh, tăng Vốn điều lệ lên gần 8.134 tỷ đồng, mở rộng mạng lưới 163 điểm giao dịch trên 39 tỉnh thành cả nước. Đây cũng là năm đánh dấu bước phát triển vượt bậc của Ngân hàng về công nghệ khi chính thức vận hành mô hình giao dịch ngân hàng tự động (Kiosk Banking) vào tháng 07/2022, cho phép khách hàng chủ động thao tác, trải nghiệm các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng mà không cần trực tiếp giao dịch tại quầy.

Cũng trong năm 2022, Ngân hàng đã vinh dự đạt được nhiều Bằng khen/ giải thưởng như: Bằng khen của Thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước vì “Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng năm 2020 - 2021”; Bằng khen “Doanh nghiệp tiêu biểu vì Người Lao Động” do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trao tặng; Tổng Giám đốc Thái Hương được Thủ tướng Chính phủ vinh danh là một trong sáu doanh nhân tiêu biểu có thành tích, đóng góp xuất sắc trong phòng chống đại dịch Covid - 19; đồng thời Bà cũng vinh dự đón nhận giải thưởng “Top 10 Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu năm 2022” do VCCI trao tặng.

Với những đóng góp nổi bật cho kinh tế - xã hội đất nước trong suốt quá trình hoạt động, BAC A BANK đã nhiều lần vinh dự được nhận Bằng khen, Cờ thi đua của Chính phủ, UBND tỉnh Nghệ An và các đoàn thể khác trao tặng, các giải thưởng uy tín khác như giải thưởng “Doanh nghiệp thương mại, dịch vụ xuất sắc” do Bộ Công Thương trao tặng, “Top 100 sản phẩm tin và dùng”, “Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam”, “Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam”, “Top 200 Sao vàng Đất Việt”, “Top 10 Doanh nghiệp vì người lao động”.

1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1.3.1. Ngành nghề kinh doanh

- **Tài chính - Ngân hàng**

Ngân hàng TMCP Bắc Á cung cấp đầy đủ và toàn diện các dịch vụ tài chính - ngân hàng như: Dịch vụ tài khoản nội tệ và ngoại tệ, Dịch vụ thanh toán trong và ngoài nước, Dịch vụ tiền gửi - tiết kiệm, Dịch vụ tín dụng - cho vay, Dịch vụ thẻ và ngân hàng điện tử, Dịch vụ bảo lãnh thanh toán và tài trợ thương mại, Dịch vụ kinh doanh ngoại hối,... Chất lượng và hiệu quả hoạt động của BAC A BANK luôn được khẳng định và phát triển theo hướng ngày càng hiện đại, bền vững với hệ thống mạng lưới được củng cố và mở rộng trên quy mô toàn quốc.

- **Tư vấn đầu tư**

Kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, bên cạnh việc cung cấp các dịch vụ tài chính - ngân hàng đa dạng, BAC A BANK đặc biệt chú trọng hoạt động tư vấn đầu tư với các dự án mang tính an sinh xã hội cao.

Với tiêu chí đặt lợi ích của mình bên cạnh lợi ích quốc gia, các dự án do BAC A BANK tư vấn đầu tư đều hướng tới mục tiêu cải thiện chất lượng cuộc sống như chế biến thực phẩm sạch hay các bệnh viện và trường học đạt tiêu chuẩn hàng đầu quốc tế ngay tại Việt Nam, đây là những lĩnh vực tạo ra giá trị cốt lõi, thân thiện với môi trường, đồng thời giúp Ngân hàng gửi gắm thông điệp về một tương lai bền vững.

1.3.2. Mạng lưới hoạt động

Mạng lưới giao dịch của BAC A BANK tại ngày 31/12/2022 có 163 điểm giao dịch đang hoạt động phân bố tại 39 tỉnh thành trên cả nước trải dài từ Bắc đến Nam.

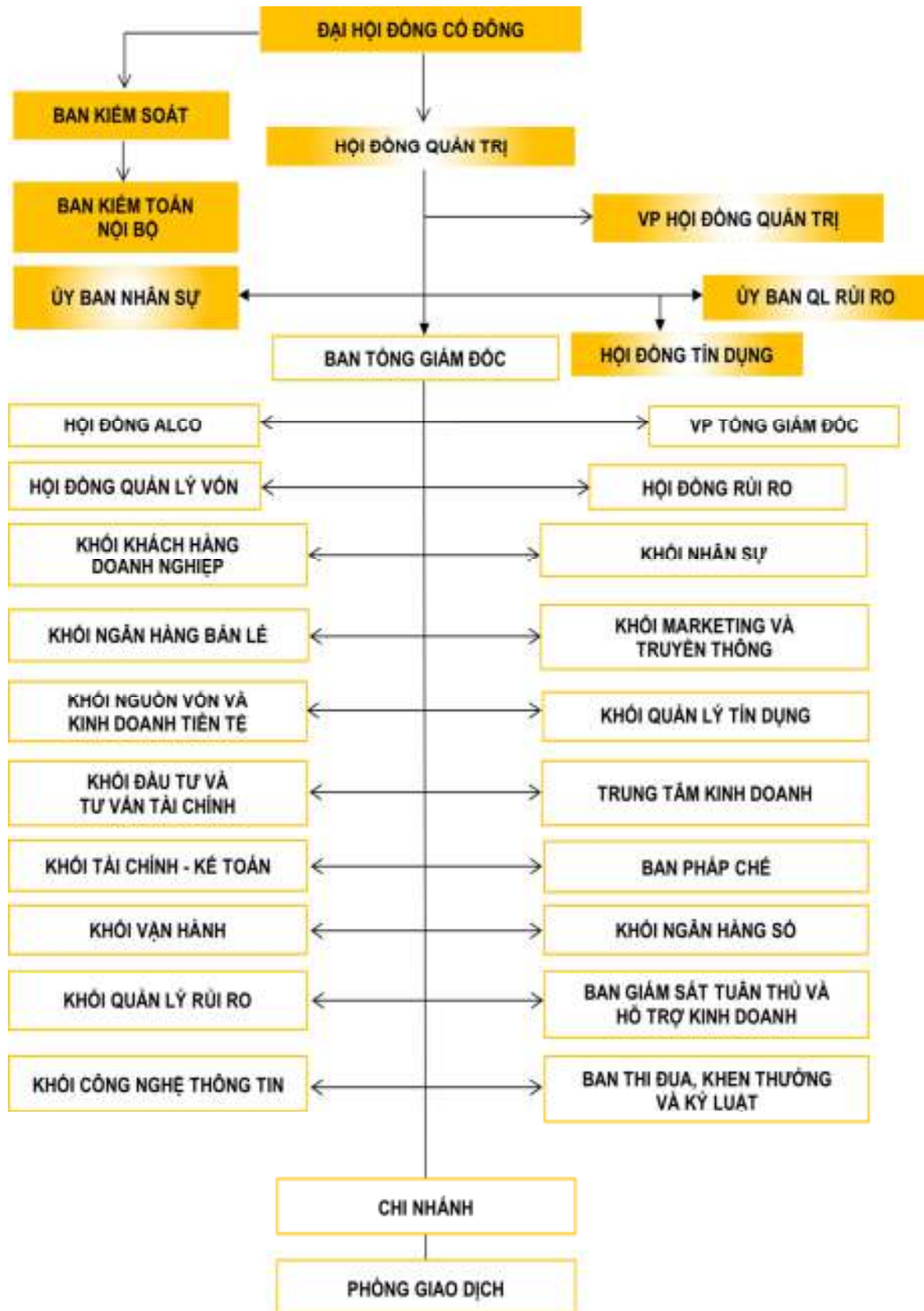
Nghệ An	01 CHI NHÁNH	TP. Hà Nội	12 CHI NHÁNH
01 TRỤ SỞ CHÍNH	11 Phòng giao dịch		39 Phòng giao dịch
Hải Phòng	01 CHI NHÁNH	Hưng Yên	01 CHI NHÁNH
	03 Phòng giao dịch		03 Phòng giao dịch
Quảng Ninh	01 CHI NHÁNH	Hà Giang	01 CHI NHÁNH
	02 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Vĩnh Phúc	01 CHI NHÁNH	Lào Cai	01 CHI NHÁNH
	03 Phòng giao dịch		
Thái Nguyên	01 CHI NHÁNH	Lạng Sơn	01 CHI NHÁNH
	02 Phòng giao dịch		
Bắc Giang	01 CHI NHÁNH	Thái Bình	01 CHI NHÁNH
	02 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Hà Nam	01 CHI NHÁNH	Nam Định	01 CHI NHÁNH
	01 Phòng giao dịch		
Ninh Bình	01 CHI NHÁNH	Thanh Hóa	01 CHI NHÁNH
	01 Phòng giao dịch		04 Phòng giao dịch
Hà Tĩnh	01 CHI NHÁNH	Bình Định	01 CHI NHÁNH
	03 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Quảng Bình	01 CHI NHÁNH	Phú Yên	01 CHI NHÁNH
	02 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Huế	01 CHI NHÁNH	Đắk Lắk	01 CHI NHÁNH
	02 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Đà Nẵng	01 CHI NHÁNH	Lâm Đồng	01 CHI NHÁNH
	03 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
TP. Hồ Chí Minh	03 CHI NHÁNH	Khánh Hòa	01 CHI NHÁNH
	15 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Cần Thơ	01 CHI NHÁNH	Vũng Tàu	01 CHI NHÁNH
	02 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Kiên Giang	01 CHI NHÁNH	Đồng Nai	01 CHI NHÁNH
	02 Phòng giao dịch		01 Phòng giao dịch
Bình Dương	01 CHI NHÁNH	Long An	01 CHI NHÁNH
	01 Phòng giao dịch		
Bắc Ninh	01 CHI NHÁNH	An Giang	01 CHI NHÁNH
Bình Thuận	01 CHI NHÁNH	Đồng Tháp	01 CHI NHÁNH
Hải Dương	01 CHI NHÁNH	Hòa Bình	01 CHI NHÁNH
Phú Thọ	01 CHI NHÁNH		

Trong năm 2022, BAC A BANK mở thêm 07 Chi nhánh mới tại địa bàn TP. Hà Nội và các tỉnh An Giang, Bình Thuận, Đồng Tháp, Hải Dương, Hòa Bình và Phú Thọ. Đồng thời, Ngân hàng cũng thực hiện khai trương thêm 10 Phòng giao dịch tại địa bàn TP. Hà Nội (03) và các tỉnh Hà Giang, Thừa Thiên Huế, Thái Bình, Bình Định, Phú Yên, Đắk Lắk và Đồng Nai.

Tại thời điểm 31/12/2022, BAC A BANK có ba Phòng giao dịch đã có Quyết định thành lập nhưng chưa đi vào hoạt động là PGD Kim Bảng thuộc Chi nhánh Hà Nam, PGD Hữu Lũng thuộc Chi nhánh Lạng Sơn và PGD Bến Lức thuộc Chi nhánh Long An. Đầu năm 2023, ba Phòng giao dịch trên đã chính thức khai trương và đi vào hoạt động, nâng tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK lên 166 điểm.

1.4. Mô hình tổ chức quản lý

1.4.1. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý



Cơ cấu bộ máy quản lý của BAC A BANK bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của BAC A BANK, quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều lệ BAC A BANK quy định. Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Hội đồng Quản trị với chức năng là cơ quan quản trị giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông của BAC A BANK, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của BAC A BANK, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

Ban Tổng Giám đốc với chức năng là cơ quan quản lý và chịu trách nhiệm trực tiếp triển khai chiến lược hoạt động của Ngân hàng.

Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc Hội đồng Quản trị gồm có: Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng. Các Hội đồng trực thuộc Ban Tổng Giám đốc gồm có: Hội đồng ALCO, Hội đồng Quản lý vốn và Hội đồng Rủi ro. Bộ máy hoạt động của BAC A BANK bao gồm các Đơn vị (Khối, Ban, Trung tâm Kinh doanh, Văn phòng trực thuộc) tại Hội sở, các Chi nhánh và Phòng giao dịch.

1.4.2. Công ty con

Tính đến hết năm 2022, Ngân hàng có hai (02) công ty con do BAC A BANK sở hữu 100% vốn là:

- **Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Bắc Á**
 - Địa chỉ: Số 67 phố Nguyễn Thị Định, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104507588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 03 năm 2010.
 - Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).
 - Ngành nghề kinh doanh chính: tiếp nhận, quản lý và khai thác các tài sản bảo đảm nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao Ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nợ; thẩm định giá tài sản bảo đảm; nhận ủy thác thu hồi nợ.
- **Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á**
 - Địa chỉ: Số 09 phố Đào Duy Anh, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107983828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 09 năm 2017.
 - Vốn điều lệ: 77.000.000.000 đồng (Bảy mươi bảy tỷ đồng).
 - Ngành nghề kinh doanh chính: hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ.

1.5. Định hướng phát triển

1.5.1. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu của Ngân hàng TMCP Bắc Á là phát triển theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả, vững chắc, có khả năng cạnh tranh lớn dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến, phù hợp với thông lệ, chuẩn mực Việt Nam và quốc tế về hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế.

Trong giai đoạn tới, Ngân hàng TMCP Bắc Á tập trung nâng cao năng lực tài chính và củng cố năng lực hoạt động, theo hướng an toàn và hiệu quả; phấn đấu trở thành ngân hàng đa năng, theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, đặc biệt chú trọng hoạt động tư vấn đầu tư và cho vay các doanh nghiệp trong

lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, nông thôn và các ngành phụ trợ cho nông nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục.

1.5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Ngân hàng TMCP Bắc Á thực hiện kế hoạch phát triển bền vững, ổn định, hiệu quả; tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc xây dựng và phát triển thương hiệu, khẳng định vị thế của Ngân hàng ở trong nước, hướng tới hội nhập khu vực và quốc tế. Xây dựng văn hóa kinh doanh thành nền tảng để đầu tư phát triển chiều sâu ngay từ ban đầu, trong đó xác định nguồn nhân lực chính là nòng cốt để phát triển bền vững, chọn và đào tạo đúng người, đúng việc, thực hiện chăm lo đời sống tinh thần, vật chất cho nhân viên.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành quyết tâm xây dựng, phát triển Ngân hàng TMCP Bắc Á vững mạnh về mọi mặt, đủ sức cạnh tranh trong thời kỳ toàn cầu hóa, lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng là tiêu chí phấn đấu. Xây dựng đề án phát triển và tầm nhìn trung - dài hạn; trong đó yêu cầu có những bước tăng trưởng mang tính đột phá, phù hợp với xu hướng phát triển thời đại để xây dựng một ngân hàng cổ phần đa năng, với sự có mặt của các cổ đông chiến lược trong và ngoài nước để hỗ trợ toàn diện năng lực hoạt động cũng như các mặt nghiệp vụ ngân hàng.

1.5.3. Định hướng trách nhiệm xã hội - cộng đồng

Ngân hàng TMCP Bắc Á ưu tiên nguồn vốn cho vay và tư vấn đầu tư vào các dự án liên quan đến ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp, nông thôn, thực phẩm, y tế, dược liệu, giáo dục và các lĩnh vực phục vụ an sinh xã hội... Những hoạt động này mang lại giá trị bền vững cho sự phát triển của Ngân hàng và góp phần vào sự đổi mới, thịnh vượng của đất nước.

BAC A BANK rất chú trọng tham gia các sự kiện hỗ trợ hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng như tài trợ các diễn đàn về thị trường vốn, các hội nghị về giám sát tài chính. Bên cạnh đó, thông qua việc đồng hành cùng Quỹ Vì Tầm Vóc Việt, các hoạt động từ thiện xã hội cũng được quan tâm và triển khai thường xuyên trong suốt quá trình hoạt động của BAC A BANK nhằm chung tay sẻ chia với cộng đồng, đảm bảo an sinh xã hội và theo đuổi mục tiêu nâng cao trí lực Việt Nam.

1.6. Các rủi ro trong hoạt động kinh doanh

1.6.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là loại rủi ro dẫn đến tổn thất tài sản của các ngân hàng trong trường hợp khách hàng được cấp tín dụng không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ những cam kết đã nêu tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

BAC A BANK đã triển khai áp dụng nhiều biện pháp khác nhau nhằm phòng ngừa rủi ro tín dụng. Trước hết là xây dựng, hoàn thiện và cập nhật chính sách, quy trình tín dụng; tiếp theo là chú trọng nâng cao chất lượng công tác thẩm định, tăng cường kiểm tra giám sát, quản lý vay nợ. Ngân hàng luôn đề cao việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra nội bộ, tránh tình trạng cho vay theo thành tích. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đã tính toán và trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ theo quy định hiện hành.

Ngân hàng đa dạng hóa chế độ cho vay theo ngành với đối tượng khách hàng khác nhau để giảm thiểu rủi ro và nhất quán thực hiện tăng trưởng tín dụng theo định hướng đã đề ra là ưu tiên nguồn vốn tín dụng vào lĩnh vực cho vay nhóm các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, các ngành sản xuất, chế biến và công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục.

1.6.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi có sự chênh lệch về kỳ hạn, tính thanh khoản giữa vốn huy động và việc sử dụng vốn huy động của ngân hàng trong điều kiện lãi suất thị trường thay đổi ngoài dự kiến, điều này dẫn đến khả năng giảm thu nhập của ngân hàng so với dự tính.

BAC A BANK đã sử dụng các mô hình tài chính và công cụ khác nhau để giám sát và quản lý rủi ro lãi suất để định kỳ lập các báo cáo về thị trường, đưa ra những nhận định về diễn biến, xu hướng biến đổi của lãi suất trên thị trường. Theo đó, Ngân hàng sẽ quyết định duy trì các mức lãi suất chênh lệch thích hợp trong hoạt động huy động vốn và hoạt động cho vay, chủ động áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu của thị trường, thu hẹp chênh lệch kỳ hạn bình quân giữa Tài sản Có và Tài sản Nợ.

Ngân hàng tăng cường huy động vốn, mở rộng các nguồn tín dụng có hiệu quả, đảm bảo cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn; kiểm soát chặt chẽ quy mô, cơ cấu tín dụng theo kỳ hạn bằng VNĐ và ngoại tệ phù hợp với khả năng, kỳ hạn và cơ cấu vốn huy động.

Một chiến lược khác của Ngân hàng là phát triển các dịch vụ tiện ích để thu hút khách hàng mở tài khoản, thanh toán không dùng tiền mặt nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trong bối cảnh nhiều biến động về lãi suất trên thị trường.

1.6.3. Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá ngoại hối trên thị trường đối với các khoản mục Tài sản Nợ và Tài sản Có bằng ngoại tệ tại Ngân hàng.

BAC A BANK được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VNĐ, một phần bằng Đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng lại bằng các đồng tiền khác ngoài VNĐ và Đô la Mỹ.

Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bên cạnh đó, Ngân hàng đã thiết lập hệ thống chính sách quản lý tập trung trạng thái ngoại hối của toàn hệ thống về Hội sở chính. Các Chi nhánh đều được đặt hạn mức giao dịch trong ngày và không có trạng thái ngoại hối vào cuối ngày. Tại Hội sở chính, các trạng thái ngoại hối phát sinh của toàn hệ thống đều được cân bằng kịp thời.

1.6.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn.

Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, BAC A BANK huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng áp dụng chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Ngân hàng đã xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý nguồn vốn tập trung tại Hội sở chính nhằm thực hiện dự trữ hợp lý, hạn chế

lãng phí vốn, tăng lợi nhuận hoạt động, xây dựng danh mục đầu tư hợp lý. Ngân hàng dựa trên cơ sở dữ liệu quá khứ và định hướng hoạt động để xem xét và tính toán chính xác nhu cầu thanh khoản ở từng thời điểm. Bên cạnh đó, công tác dự báo nhu cầu rút tiền của khách hàng trong từng thời kỳ cũng được Ngân hàng đặc biệt coi trọng nhằm có thể chủ động thu xếp nguồn vốn chi trả theo yêu cầu.

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

2.1. Hoạt động kinh doanh năm 2022

2.1.1 Môi trường kinh doanh

- **Tình hình kinh tế thế giới**

Trong năm 2022, các nền kinh tế từng bước mở cửa trở lại, dù vẫn ghi nhận những diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid - 19 và các dịch bệnh mới (như bệnh đậu mùa khỉ). Xung đột Nga - Ukraina bùng phát từ tháng 02/2022 và kéo dài cùng chính sách “Zero Covid” của Trung Quốc đã ảnh hưởng nặng nề đến đà phục hồi của chuỗi cung ứng. Giá nhiều mặt hàng trên thị trường thế giới bị đẩy lên cao khiến cho lạm phát tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ; an ninh năng lượng, an ninh lương thực ở nhiều quốc gia, kể cả các nền kinh tế hàng đầu bị đe dọa; xu hướng liên minh đối đầu gia tăng giữa một số nhóm nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được các tổ chức quốc tế như: IMF, Fitch Ratings, OECD, EU nhận định ở mức thấp và chỉ nằm trong khoảng 2,6% - 3,2%.

Cũng theo đánh giá của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF), lạm phát chung toàn cầu tăng từ 4,7% năm 2021 lên 8,8% năm 2022. Do đó, để ngăn lạm phát tăng cao, các Ngân hàng Trung ương đã nhanh chóng nâng lãi suất chính sách danh nghĩa. Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) đã tăng lãi suất mục tiêu thêm 3 điểm phần trăm kể từ đầu năm 2022 và đã thông báo về khả năng sẽ tăng thêm. Ngân hàng Trung ương Anh tăng lãi suất chính sách thêm 2 điểm phần trăm kể từ đầu năm 2022. Ngân hàng Trung ương Châu Âu đã tăng lãi suất chính sách thêm 1,25 điểm phần trăm trong năm 2022.

- **Tình hình kinh tế Việt Nam**

Năm 2022, kinh tế trong nước phục hồi mạnh mẽ và là năm đầu tiên trong giai đoạn ba năm dịch Covid - 19, Việt Nam đạt và vượt nhiều chỉ tiêu kinh tế kế hoạch đặt ra. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế phục hồi tích cực, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện góp phần tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo được sự tin tưởng, ủng hộ của người dân và cộng đồng doanh nghiệp; một số ngành đã có mức tăng trưởng cao hơn năm trước khi có dịch Covid - 19.

Tăng trưởng GDP năm 2022 đạt 8,02%; trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, chiếm tỷ trọng 11,88% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, chiếm 38,26% GDP; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, chiếm 41,33%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,53%. GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành ước đạt 95,6 triệu đồng/người, tương đương 4.110 USD, tăng 393 USD so với năm 2021. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm 2022 tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Cũng trong năm 2022, xuất khẩu của Việt Nam ghi nhận kết quả tích cực về kim ngạch, mức xuất siêu, cơ cấu hàng xuất và sự phục hồi thị trường: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ước đạt 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 10,6%; nhập khẩu tăng 8,4%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2022 ước tính xuất siêu 11,2 tỷ USD. Tất cả các thị trường xuất, nhập khẩu đều phục hồi so với năm 2021; trong đó xuất siêu sang EU ước đạt 31,8 tỷ USD, tăng 36,8%; nhập siêu từ Trung Quốc 60,9 tỷ USD, tăng 11,5%; nhập siêu từ ASEAN 13,6 tỷ USD, tăng 10,6%.

Về thị trường tài chính tiền tệ, theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tính đến thời điểm 21/12/2022 và so với cuối năm 2021, tổng phương tiện thanh toán tăng 3,85%; huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 5,99%; tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 12,87%. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chủ động, linh hoạt ổn định thị trường tiền tệ, ứng phó xu hướng lạm phát và lãi suất tăng cao trên thế giới. Như vậy, chính sách tiền tệ đã thành công trong việc kiểm soát lạm phát, bảo vệ tỷ giá song có thể thấy rằng rủi ro của hệ thống ngân hàng tăng lên.

2.1.2 Hoạt động kinh doanh của BAC A BANK

2022 là năm kinh tế thế giới có nhiều biến động nhanh, phức tạp, với những diễn biến khó lường. Trong nước, nền kinh tế đã có sự phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid - 19 song vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức đan xen. Trong bối cảnh đó, hoạt động kinh doanh của BAC A BANK năm 2022 tiếp tục ghi nhận nhiều kết quả tích cực. Căn cứ số liệu trên Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, Ngân hàng đã cơ bản hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao cho năm 2022. Cụ thể như sau:

Tổng tài sản

128.794 tỷ đồng

Tăng 7,51% so với năm 2021

Tổng tài sản của BAC A BANK tăng trưởng liên tục trong các năm gần đây. Tổng tài sản của Ngân hàng từ năm 2018 đến 2022 đạt mức tăng trưởng bình quân là 7,05%/năm. Năm 2022, Tổng tài sản của Ngân hàng đạt 128.794 tỷ đồng, tăng 7,51% so với năm 2021, hoàn thành 99,07% kế hoạch đề ra.

Tổng dư nợ cho vay khách hàng

94.121 tỷ đồng

Tăng 11,26% so với năm 2021

Ngân hàng luôn nhất quán với định hướng ưu tiên nguồn vốn tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và các ngành sản xuất - chế biến và công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục.

Từ năm 2018 đến nay, mức tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng đạt mức bình quân là 11,19%/năm. Tổng dư nợ cho vay khách hàng năm 2022 đạt 94.121 tỷ đồng, tăng 11,26% so với năm 2021 và hoàn thành 100,90% (vượt 843 tỷ đồng) kế hoạch đề ra.

Tổng huy động vốn

115.888 tỷ đồng

Tăng 7,36% so với năm 2021

- Huy động vốn TT1 là 99.042 tỷ đồng

- Huy động vốn TT2 là 16.846 tỷ đồng

Tổng huy động vốn tăng trưởng liên tục trong suốt những năm gần đây với mức tăng trưởng bền vững, trung bình tăng 6,87%/năm từ năm 2018 đến nay. Để đạt được kết quả đó, công tác thương hiệu đóng vai trò quan trọng, hệ thống nhận diện thương hiệu mang tính chuyên nghiệp cùng với công tác chăm sóc khách hàng được nâng cao, dịch vụ tiện ích mới ngày càng phát triển đã tác động không nhỏ đến công tác huy động vốn của Ngân hàng.

Năm 2022, huy động vốn thị trường 1 tăng 4.938 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 5,25% so với năm 2021, đạt 99.042 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 85,46% tổng huy động vốn. Huy động vốn thị trường 2 của Ngân hàng đến cuối năm 2022 là 16.846 tỷ đồng, chỉ chiếm 14,54% tổng huy động vốn.

Lợi nhuận sau thuế

833 tỷ đồng

Tăng 14,62% so với năm 2021

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng liên tục từ năm 2013 đến nay (chỉ riêng năm 2020, lợi nhuận sau thuế của BAC A BANK giảm do ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19). Năm 2022, lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng tiếp tục trên đà tăng trưởng và đạt mức gần 833 tỷ đồng, tăng 14,62% so với năm 2021.

Mạng lưới

166 điểm giao dịch đang hoạt động

Mạng lưới giao dịch tiếp tục được mở rộng trên phạm vi cả nước. Đầu năm 2023, 03 Phòng giao dịch (Kim Bảng, Hữu Lũng, Bến Lức) đã chính thức khai trương và đi vào hoạt động, nâng tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK lên 166 điểm.

Dự kiến trong năm 2023, BAC A BANK sẽ tiếp tục mở rộng thêm mạng lưới hoạt động tại các tỉnh Điện Biên, Yên Bái, Cà Mau, Lào Cai, Bắc Ninh, Nam Định, Bình Dương, Đắk Lắk, Vũng Tàu.

Nhân sự: **3.254** người

Số lượng nhân viên tại thời điểm 31/12/2022 là 3.254 người, tăng 20,43% so với cuối năm 2021.

2.2. Tổ chức và nhân sự

2.2.1. Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

❖ Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng tại ngày 31/12/2022

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (31/12/2022)
I. Thành viên Hội đồng Quản trị			
1	Bà Trần Thị Thoảng	Chủ tịch HĐQT	3,18%
2	Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	4,30%
3	Ông Võ Văn Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,07%
4	Ông Đặng Thái Nguyên	Thành viên HĐQT	0,28%
5	Ông Nguyễn Hữu Phàng	Thành viên HĐQT độc lập	-
II. Ban Điều hành			
1	Bà Thái Hương	Tổng Giám đốc	4,30%
2	Ông Đặng Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	-
3	Ông Nguyễn Trọng Trung	Phó Tổng Giám đốc	3,79%
4	Ông Chu Nguyên Bình	Phó Tổng Giám đốc	0,18%
5	Ông Trương Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc	-
6	Ông Võ Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	0,07%
7	Ông Nguyễn Việt Hanh	Phó Tổng Giám đốc	-
8	Ông Lê Ngọc Hồng Nhật	Phó Tổng Giám đốc	0,16%
9	Ông Nguyễn Ái Dân	Phó Tổng Giám đốc	-
III. Thành viên Ban Kiểm soát			
1	Ông Phạm Hồng Công	Trưởng Ban Kiểm soát	0,19%
2	Ông Thái Đình Long	Thành viên Ban Kiểm soát	-
3	Bà Trương Thị Kim Thư	Thành viên Ban Kiểm soát	0,32%
IV. Kế toán trưởng			
1	Bà Nguyễn Hồng Yến	Kế toán trưởng	-

❖ **Hội đồng Quản trị**

Bà Trần Thị Thoàng

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1981 đến 1990
- ✓ Từ năm 2000 đến nay

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Cán bộ Ban tài chính vật giá thị xã Cẩm Phả
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà Thái Hương

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1982 đến 1985
- ✓ Từ năm 1985 đến 1989
- ✓ Từ năm 1989 đến 1994
- ✓ Từ năm 1994 đến nay

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Cán bộ Ban vật giá tài chính Hải Phòng
Cán bộ kế toán Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ An
Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Hương Hà
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Võ Văn Quang

Trình độ chuyên môn

Tiến sỹ kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1981 đến 1986
- ✓ Từ năm 1986 đến 1992
- ✓ Từ năm 1993 đến 1997
- ✓ Từ năm 1997 đến 2009
- ✓ Từ năm 2009 đến nay

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Phó Giám đốc Công ty Xây dựng số 02 - Sở Xây Dựng Nghệ An
Cán bộ/ Phó Phòng Tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Chi nhánh tỉnh Nghệ An
Cán bộ/ Phó Phòng thanh tra các Ngân hàng TMCP Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Chánh văn phòng Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó TGD Ngân hàng TMCP Bắc Á
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ông Đặng Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1997 đến 2003
- ✓ Từ năm 2003 đến 2006
- ✓ Từ năm 2006 đến nay

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Trưởng Phòng Tín dụng - Hội sở Ngân hàng TMCP Bắc Á
Giám đốc Chi nhánh Thanh Hóa - Ngân hàng TMCP Bắc Á
Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng Khoán Việt
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Phòng

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Cao cấp lý luận Chính trị

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1980 đến 1986
- ✓ Từ năm 1986 đến 1989
- ✓ Từ năm 1989 đến 1998

Giảng viên Học viện Ngân hàng phân viện Phú Yên
Giảng viên Trường nghiệp vụ ngân hàng tỉnh Nghệ An
Phòng Tiền tệ, kho quỹ Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Nghệ An (qua các vị trí Cán bộ, Phó, Trưởng phòng)

✓ Từ năm 1998 đến 2001	Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Nghệ An
✓ Từ năm 2001 đến 2012	Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Nghệ An
✓ Từ năm 2012 đến 2019	Nghỉ hưu
✓ Từ năm 2019 đến nay	Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên HĐQT độc lập

❖ **Ban Kiểm soát**

Ông Phạm Hồng Công

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1984 đến 1991	Trưởng phòng Kế hoạch - Xí nghiệp Xuất nhập khẩu Vật liệu xây dựng Vinh
✓ Từ năm 1992 đến 1994	Kế toán trưởng Tổng đội Thanh niên xây dựng kinh tế Vinh
✓ Từ năm 1994 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Kim Thư

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1994 đến 1998	Kế toán tổng hợp Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 1999 đến 2010	Trợ lý Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á
✓ Từ năm 2011 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Thái Đình Long

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 2002 đến 2008	Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Vạn Niên
✓ Từ năm 2008 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Thành viên Ban Kiểm soát

❖ **Ban Điều hành**

Bà Thái Hương – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Sơ yếu lý lịch như trên

Ông Đặng Trung Dũng

Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1995 đến năm 1996	Kế toán tổng hợp, Phó Giám đốc Tài chính Công ty VIFOCO tại Hà Nội
✓ Từ năm 1996 đến năm 2000	Chuyên viên tín dụng, Ngân hàng VIB
✓ Từ năm 2001 đến năm 2004	Trưởng Phòng Tín dụng, BAC A BANK
✓ Từ năm 2004 đến năm 2006	Phó Giám đốc phụ trách BAC A BANK Chi nhánh Hà Nội
✓ Từ năm 2006 đến năm 2016	Phó Tổng Giám đốc thường trực, SHB Bank
✓ Từ năm 2016 đến nay	Phó Tổng Giám đốc thường trực, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc thường trực

Ông Chu Nguyên Bình

Trình độ chuyên môn

Tiến sỹ kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 2001 đến năm 2002
- ✓ Từ năm 2002 đến năm 2003
- ✓ Từ năm 2003 đến năm 2006
- ✓ Từ năm 2006 đến năm 2008
- ✓ Từ năm 2008 đến năm 2015
- ✓ Từ năm 2015 đến nay

Kiểm toán viên, Công ty Kiểm toán KPMG
Trưởng phòng Kiểm toán và tư vấn, Công ty Kế toán, Kiểm toán, Tư vấn Việt Nam (AACC)
Chuyên viên Kinh doanh Vốn và Ngoại tệ, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Giám đốc Nguồn vốn, Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Ngoại tệ, BAC A BANK
Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính - Giám đốc Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ
Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính - Giám đốc Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Ông Nguyễn Trọng Trung

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1986 đến năm 1989
- ✓ Từ năm 1989 đến năm 1994
- ✓ Từ năm 1994 đến năm 2003
- ✓ Từ năm 2003 đến nay

Kế toán - Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ Tĩnh - Thuộc Sở Thương Mại Nghệ Tĩnh
Kế toán tổng hợp - Công ty Vật liệu xây dựng chất đốt Nghệ Tĩnh - Thuộc Sở Thương Mại Nghệ Tĩnh
Kế toán tổng hợp, BAC A BANK
Phó Tổng Giám đốc, BAC A BANK.
Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Ông Trương Vĩnh Lợi

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 1994 đến năm 1997
- ✓ Từ năm 1997 đến năm 2008
- ✓ Từ năm 2008 đến nay

Nhân viên Ngân hàng Công thương
Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Trung ương (qua các vị trí nhân viên, phó phòng, trưởng phòng)
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro, BAC A BANK
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý rủi ro

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Ông Nguyễn Việt Hanh

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- ✓ Từ năm 2003 đến năm 2005
- ✓ Từ năm 2005 đến năm 2006
- ✓ Từ năm 2006 đến năm 2014
- ✓ Từ năm 2014 đến năm 2017
- ✓ Từ năm 2017 đến nay

Chuyên viên nguồn vốn, Vietcombank Hội sở chính
Phó phòng Nguồn vốn, BAC A BANK, Hội sở chính
Giám đốc BAC A BANK Chi nhánh Hà Nội
Phó TGD phụ trách Khối Ngân hàng Bán lẻ và Khối Hỗ trợ Tác nghiệp, BAC A BANK
Phó TGD kiêm Giám đốc Khối Vận hành, BAC A BANK
Phó TGD kiêm Giám đốc Khối Vận hành

Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK

Ông Nguyễn Ái Dân

Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Quá trình công tác	
✓ Trước 01/08/2005	Giám đốc IT VIB BANK
✓ Từ năm 2005 đến năm 2016	Trưởng ban CNTT, BAC A BANK
✓ Từ năm 2016 đến nay	Phó TGD kiêm Giám đốc Khối CNTT, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó TGD kiêm Giám đốc Khối CNTT

Ông Lê Ngọc Hồng Nhật

Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 1998 đến năm 2002	Chuyên viên Tín dụng, Thẩm định, Nguồn vốn BIDV CN Hà Tĩnh
✓ Từ năm 2002 đến năm 2003	Phó phòng Nguồn vốn - Thẩm định BIDV Hà Tĩnh
✓ Từ năm 2003 đến năm 2005	Trưởng phòng Nguồn vốn - Thẩm định BIDV Hà Tĩnh
✓ Từ năm 2005 đến năm 2008	Trưởng phòng Tài chính BIDV Hà Tĩnh
✓ Từ năm 2008 đến năm 2009	PGĐ Sở giao dịch BAC A BANK
✓ Từ năm 2009 đến năm 2015	Giám đốc Khối Tài chính BAC A BANK
✓ Từ năm 2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính - Kế toán, BAC A BANK
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính - Kế toán

Ông Võ Văn Quang - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc: Sơ yếu lý lịch như trên

Bà Nguyễn Hồng Yến

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
✓ Từ năm 2003 đến 2007	Giao dịch viên Ngân hàng TMCP Bắc Á - Hội sở vinh
✓ Từ năm 2007 đến 2010	Kiểm soát viên Ngân hàng TMCP Bắc Á - Hội sở vinh
✓ Từ năm 2010 đến nay	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bắc Á
Chức vụ đang nắm giữ tại BAC A BANK	Kế toán trưởng

2.2.2. Thay đổi Ban Điều hành trong năm

Ngày 10/01/2022, Ngân hàng có quyết định miễn nhiệm chức vụ đối với ông Nguyễn Quốc Đạt trong Ban Điều hành.

2.2.3. Cán bộ, nhân viên

• **Số lượng lao động**

Tổng số cán bộ nhân viên toàn hệ thống (bao gồm cả công ty con) đến 31/12/2022 là 3.254 người, tăng 552 người so với cuối năm 2021.

Trong năm 2022, công tác tuyển dụng tập trung vào tuyển nhân sự mới cho các Phòng giao dịch và Chi nhánh mở mới và tuyển bổ sung, thay thế các trường hợp nghỉ việc, bổ nhiệm/ điều chuyển. Công tác tuyển dụng luôn đảm bảo tính minh bạch, công khai, tuân thủ quy trình.

• **Đào tạo lao động**

Ngân hàng luôn chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc cũng như để bắt kịp với sự phát triển của các công nghệ và ứng dụng mới trong hoạt động Ngân

hàng. Tiếp bước thành công trong năm 2021, hoạt động đào tạo năm 2022 đi vào chiều sâu, quan tâm tới nhu cầu của từng đối tượng học viên. Trong năm 2022, Ngân hàng đã thực hiện 39 khóa đào tạo với 98 lớp cho 13.756 lượt học viên tham dự trong khoảng 1.405 giờ đào tạo.

Trung tâm Đào tạo BAC A BANK tập trung đào tạo cho đội ngũ cán bộ nhân viên mới với những nội dung thiết thực; đồng thời, tổ chức khóa kỹ năng thiết yếu phục vụ cho công việc và định hướng phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên hiện tại cũng như đội ngũ giảng viên nội bộ. Các chương trình đào tạo kỹ năng chuyên môn được tập trung vào những kỹ năng, nghiệp vụ cụ thể với từng đối tượng, nhằm thay đổi diện mạo, chất lượng công việc như:

- Cập nhật các kiến thức liên quan đến thay đổi sản phẩm, quy định, quy trình mới như sản phẩm tín dụng cho Khách hàng doanh nghiệp thi công xây lắp, thẻ tín dụng do BAC A BANK phát hành, trái phiếu BAC A BANK phát hành ra công chúng...
- Cập nhật nội dung liên quan đến Phòng - Chống rửa tiền năm 2022, Quy tắc - Chuẩn mực đạo đức. 100% cán bộ, nhân viên BAC A BANK cam kết và tham gia chương trình đào tạo Phòng - Chống rửa tiền theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Hướng dẫn nghiệp vụ Phát hành thẻ tín dụng trên hệ thống Way 4 với gần 1.500 lượt học viên tham gia đào tạo.
- Cập nhật, nâng cao kiến thức cho đội ngũ cán bộ nhân viên Hội sở như: Khóa học Xây dựng khung năng lực, Luật Bảo hiểm xã hội, VBA, Python, Quản lý dự án Agile...

Bên cạnh đó, trong năm 2022, Ngân hàng cũng đã triển khai dự án đưa hệ thống đào tạo trực tuyến BAB - ILS vào vận hành, chuyển đổi học liệu theo phương thức E - Learning giúp CBNV chủ động thời gian học tập; trong đó, tập trung phát triển trên 40 nội dung đào tạo số, số lượt học tập trên hệ thống BAB - ILS trong năm 2022 đạt gần 13.400 lượt.

2.3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

2.3.1. Tổng quan về tình hình đầu tư

Các khoản đầu tư tài chính của BAC A BANK bao gồm đầu tư cổ phiếu, tín phiếu, trái phiếu và góp vốn đầu tư dài hạn. Trong đó, Ngân hàng chú trọng đầu tư danh mục trái phiếu Chính phủ với độ an toàn, thanh khoản cao, hạn chế đầu tư cổ phiếu nhằm hạn chế rủi ro. Tình hình đầu tư tài chính của Ngân hàng trong năm 2022 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	2021	2022	% tăng giảm
1	Cổ phiếu	137	137	0,00%
2	Tín phiếu/ Chứng chỉ tiền gửi	8.528	4.768	-44,09%
3	Trái phiếu	11.746	12.840	9,31%
	<i>Trong đó: Trái phiếu CP</i>	3.896	3.882	-0,36%
	<i>Trái phiếu TCTD</i>	5.650	5.228	-7,47%
	<i>Trái phiếu TCKT</i>	2.200	3.730	69,55%
4	Góp vốn, đầu tư dài hạn	163	163	0,00%
	Tổng đầu tư	20.574	17.908	-12,96%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK năm 2022)

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng các khoản mục đầu tư tài chính của Ngân hàng là 17.908 tỷ đồng, giảm 12,96% so với năm 2021, chiếm tỷ trọng 13,90% trên tổng tài sản. Trong đó, đầu tư trái phiếu chiếm

71,70% tổng danh mục đầu tư, tín phiếu/ chứng chỉ tiền gửi chiếm 26,63%, còn lại là cổ phiếu và góp vốn đầu tư dài hạn chỉ chiếm lần lượt 0,76% và 0,91% tổng danh mục đầu tư.

Ngân hàng chú trọng đầu tư trái phiếu Chính phủ và trái phiếu các TCTD (chiếm tỷ trọng 50,87% trên tổng danh mục đầu tư) với độ an toàn cao. Đây là tài sản dự trữ thanh khoản quan trọng của Ngân hàng với mức độ sinh lời hợp lý.

Tổng các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn năm 2022 là 163 tỷ đồng, chiếm 0,91% tổng khoản mục đầu tư. Đối với hoạt động góp vốn đầu tư, Ngân hàng chú trọng ưu tiên đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn, y tế, giáo dục và an sinh xã hội; đồng thời, thực hiện kiểm soát chặt chẽ tình hình hoạt động các dự án/ công ty mà Ngân hàng góp vốn, kiên quyết thoái vốn khỏi các đơn vị làm ăn không hiệu quả và các đơn vị có lĩnh vực đầu tư không thuộc lĩnh vực ưu tiên của Ngân hàng.

Năm 2022, Ngân hàng đã không còn dư nợ Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành.

Ngân hàng sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm rà soát, đánh giá lại toàn bộ các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần vào doanh nghiệp khác. Mục tiêu của Ngân hàng là giảm dần việc góp vốn, mua cổ phần, đầu tư có hiệu quả chưa cao, cơ cấu lại các khoản góp vốn theo hướng tập trung vào các công ty, dự án có hiệu quả cao, phù hợp với định hướng khuyến khích đầu tư của Chính phủ nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư.

2.3.2. Các công ty con

❖ Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Bắc Á

Hoạt động chính của Công ty là tiếp nhận, quản lý và khai thác các tài sản bảo đảm nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao Ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nợ; thẩm định giá tài sản bảo đảm; nhận ủy thác thu hồi nợ.

Trong năm qua, hoạt động của Công ty có một vài điểm nổi bật sau:

- Kết quả thu hồi nợ năm 2022 toàn Công ty là 50,15 tỷ đồng với 59 vụ việc được xử lý, giải quyết.
- Thực hiện hoàn thành 2.733 vụ việc thẩm định giá tài sản, toàn bộ các vụ việc thẩm định đều được hoàn thành trong thời hạn quy định, phần lớn đều đáp ứng được sự tin tưởng từ Ban lãnh đạo, các đơn vị kinh doanh và khách hàng.

❖ Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á

Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á được thành lập ngày 05 tháng 09 năm 2017. Sau thời gian 02 năm đầu tư và hoàn thiện cơ sở vật chất đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 10 năm 2019. Năm 2022, doanh số chi trả kiều hối của Công ty đạt 4,40 triệu USD. Lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2022 đạt 3.813 triệu đồng, chủ yếu đến từ hoạt động tài chính.

2.4. Tình hình tài chính

Một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất năm 2022 của Ngân hàng như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng, %

STT	Chi tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
1	Quy mô vốn			
	Vốn chủ sở hữu	9.051	9.800	8,28%
	Vốn điều lệ	7.531	8.134	8,01%
2	Chất lượng tài sản			
	Tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng	0,77%	0,55%	-0,22%
	Tỷ lệ nợ quá hạn cho vay khách hàng	0,96%	1,20%	0,24%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
	Quỹ dự phòng/Nợ xấu cho vay KH	161,77%	203,77%	42,00%
3	Khả năng thanh khoản			
	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	12,59%	12,34%	-0,25%
	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	78,43%	81,24%	2,81%
4	Khả năng sinh lời			
	ROA (LNST/TTS bình quân)	0,61%	0,67%	0,06%
	ROE (LNST/VCSH bình quân)	8,34%	8,83%	0,49%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK năm 2022)

2.5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi Vốn chủ sở hữu

• Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2022

STT	Nhóm cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	1.427	813.375.218	8.133.752.180.000	99,999%
1	Tổ chức	11	30.010.938	300.109.380.000	3,690%
2	Cá nhân	1.416	783.364.280	7.833.642.800.000	96,309%
II	Cổ đông nước ngoài	13	11.122	111.220.000	0,001%
1	Tổ chức	2	222	2.220.000	0%
2	Cá nhân	11	10.900	109.000.000	0,001%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
Tổng cộng		1.440	813.386.340	8.133.863.400.000	100%

• Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

STT	Cổ phiếu	31/12/2021	31/12/2022
1	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	753.135.500	813.386.340
2	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	753.135.500	813.386.340
	Cổ phiếu phổ thông	753.135.500	813.386.340
	Cổ phiếu ưu đãi		
3	Số lượng cổ phiếu được mua lại		
4	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	753.135.500	813.386.340
	Cổ phiếu phổ thông	753.135.500	813.386.340
	Cổ phiếu ưu đãi		
5	Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK năm 2022)

2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

2.6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

BAC A BANK không tài trợ các dự án vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.6.2. Chính sách liên quan đến người lao động

Đối với công tác tiền lương, Ngân hàng đã hoàn thành việc tính lương tháng, các loại lương kinh doanh, thường và các chế độ phúc lợi khác cho người lao động đảm bảo không có sai sót và đúng thời gian quy định. Hàng năm, bộ phận lương và chế độ phúc lợi của Ngân hàng đều thực hiện khảo sát tiền lương trên toàn hệ thống.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng tổ chức cho cán bộ nhân viên khám sức khỏe định kỳ hàng năm, đồng thời triển khai chương trình Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho toàn bộ cán bộ nhân viên của BAC A BANK, chương trình phúc lợi này được cán bộ nhân viên Ngân hàng hưởng ứng đánh giá cao.

2.6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Trải qua 28 năm thành lập, BAC A BANK luôn hướng tới tôn chỉ tối ưu lợi ích cộng đồng, chia sẻ trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động thiện nguyện. Năm 2022, BAC A BANK đã chi hơn 48 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội như: tài trợ giáo dục, y tế, ủng hộ người nghèo, khắc phục thiên tai, đền ơn đáp nghĩa và một số hoạt động khác.

• Tài trợ y tế

Năm 2022, ngân sách tài trợ cho y tế của Ngân hàng là 1,64 tỷ đồng; trong đó, hơn 1 tỷ đồng được Ngân hàng cùng Quỹ Vì Tầm Vóc Việt (VSF), Tập đoàn TH sử dụng để tài trợ hai máy thở của Thụy Điển hỗ trợ Bệnh viện Quân Y 103 điều trị cho các bệnh nhân nhiễm Covid - 19. Những chiếc máy thở chức năng cao được trao tặng đã góp phần trao thêm cơ hội sống cho người bệnh và tiếp tục đồng hành cùng các cán bộ y tế tuyến đầu trong công tác phòng chống dịch bệnh nói chung.

Ngoài ra, 2022 cũng là năm thứ 09 BAC A BANK đồng hành cùng “Chủ nhật Đỏ”, tiếp tục kết nối thông qua Quỹ Vì Tầm Vóc Việt cùng Tập đoàn TH, Công ty Mía đường Nghệ An (NASU) tài trợ cho chương trình: 500 triệu đồng tiền mặt; 30.000 ly sữa tươi sạch (thương hiệu TH true MILK & Dalatmilk) và đồ uống hoa quả tốt cho sức khỏe; 22.000 kg đường NASU. Chương trình hiến máu “Chủ nhật Đỏ” cũng được Bà Thái Hương - Tổng Giám đốc BAC A BANK, Chủ tịch Hội đồng Chiến lược Tập đoàn TH gửi thư kêu gọi, giới thiệu, lan tỏa và huy động hưởng ứng tới hàng chục ngàn CBNV trên toàn quốc, trở thành một hoạt động thường niên, là một trong những chương trình an sinh xã hội đầy ý nghĩa mà Quỹ Vì Tầm Vóc Việt, BAC A BANK và Tập đoàn TH, Công ty Mía đường NASU triển khai với mục tiêu cao cả “Vi con người”, “Vi sức khỏe cộng đồng”.

• Tài trợ giáo dục

Về hoạt động giáo dục, Ngân hàng đã tài trợ 25,65 tỷ đồng cho lĩnh vực này trong năm 2022; trong đó, 5,61 tỷ đồng được tài trợ trực tiếp để xây dựng công trình trường tiểu học tại Đô Lương, Nghệ An; hơn 47 triệu đồng tài trợ học bổng cho học sinh nghèo tại Quảng Bình. Số tiền còn lại gần 20 tỷ đồng được Ngân hàng tài trợ xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị học tập và hỗ trợ các công tác giáo dục khác cho các em học sinh thông qua Quỹ Vì Tầm Vóc Việt. Một số chương trình tài trợ giáo dục nổi bật trong năm 2022 có thể kể đến như:

Chương trình “Sóng và máy tính cho em” tháng 02/2022 do Ngân hàng Nhà nước phát động, BAC A BANK đã tài trợ 10 tỷ đồng giúp các em học sinh khó khăn tại Nghệ An thêm điều kiện học tập, nhất là trong thời điểm dịch bệnh.

Ngoài ra, trong khuôn khổ chương trình “Điều ước cho em” do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức trong mười năm (2021 - 2031), năm 2022, BAC A BANK đã phối hợp cùng Tập đoàn TH thông qua Quỹ Vì Tầm Vóc Việt tiếp tục tài trợ dự án 1.000 nhà vệ sinh dành cho các trường học vùng sâu, vùng xa và khó khăn trên toàn quốc với giá trị gần 1 tỷ đồng.

- **Hoạt động đền ơn đáp nghĩa và ủng hộ người nghèo**

Tiếp nối truyền thống tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, Hội sở chính và các Chi nhánh BAC A BANK trên khắp cả nước đã phối hợp cùng với các Cơ quan, Đoàn thể tổ chức kêu gọi quyên góp, ủng hộ 18,34 tỷ đồng cho các hoạt động ủng hộ người nghèo, trong đó có 10 tỷ đồng ủng hộ Chương trình xây 188 nhà tình nghĩa cho người dân nghèo tại Điện Biên. Các hoạt động ủng hộ người nghèo, Ngân hàng TMCP Bắc Á chủ yếu thực hiện tài trợ qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn Ngân hàng Nhà nước, Quỹ Vì người nghèo, Quỹ Vì Tâm Vóc Việt.

Ngoài ra, để hưởng ứng phong trào tương thân tương ái, trong năm 2022, các Chi nhánh BAC A BANK cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động thăm hỏi, động viên trẻ em nghèo, làng trẻ mồ côi trên địa bàn các tỉnh.

- **Hoạt động ủng hộ, từ thiện khác**

Ngoài các hoạt động nêu trên, Ngân hàng Bắc Á và các Đơn vị trực thuộc vẫn luôn thường xuyên tham gia, hưởng ứng và tài trợ các chương trình có ý nghĩa theo lời kêu gọi của các Cơ quan, ban ngành, tổ chức thiện nguyện trên khắp cả nước thể hiện tinh thần, trách nhiệm cao của BAC A BANK đối với cộng đồng, xã hội. Tổng số tiền Ngân hàng tài trợ cho các hoạt động an sinh xã hội khác trong năm 2022 là 2,68 tỷ đồng.

3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

3.1. Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh

- ❖ **Tăng trưởng ổn định, an toàn, bền vững**

Trong các năm vừa qua, tổng tài sản và các chỉ tiêu kinh doanh chính đều đạt mức tăng trưởng liên tục và ổn định. Từ năm 2018 đến 2022, tổng tài sản BAC A BANK đạt mức tăng trung bình là 7,05%/năm; tổng huy động vốn đạt mức tăng trung bình 6,87%/năm; dư nợ cho vay khách hàng tăng trung bình 11,19%/năm; lợi nhuận sau thuế đạt mức tăng trung bình là 7,95%/năm.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định, các chỉ số an toàn hoạt động vẫn luôn được đảm bảo và tuân thủ theo quy định hiện hành. Tại ngày 31/12/2022, tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất của Ngân hàng đạt 8,95% (quy định của NHNN là $\geq 8\%$), tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi là 81,24% (quy định của NHNN là $\leq 85\%$), tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng là 0,55%, tỷ lệ dự trữ thanh khoản là 12,34% (quy định của NHNN là $\geq 10\%$).

- ❖ **Tiếp tục phát triển theo đúng định hướng chiến lược đã đặt ra là một ngân hàng tư vấn đầu tư và cấp tín dụng cho các khách hàng trong các lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục**

Những năm qua, với tư duy hành động Nghiêm túc - Chân chính - Kiêu hãnh và chiến lược sử dụng Trí tuệ Việt, Tài nguyên Thiên nhiên Việt kết hợp với Công nghệ đầu cuối của thế giới, Ngân hàng Bắc Á đã tham gia tư vấn đầu tư sản xuất sạch bằng việc đầu tư mạnh mẽ vào lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục... Một số dự án tư vấn nổi bật trong năm 2022 là:

- Khởi công xây dựng Nhà máy Chế biến thực phẩm sạch Thái Bình thuộc Tập đoàn TH với quy mô đầu tư dự kiến 620 tỷ đồng. Đây là nhà máy công nghệ cao đầu tiên ở Việt Nam sở hữu các dây chuyền hiện đại, đồng bộ, sản xuất tương ớt, tương cà trực tiếp từ quả cà chua tươi, ớt tươi tự nhiên, không sử dụng chất bảo quản và các dây chuyền sản xuất cháo tươi dinh dưỡng, cơm ăn liền.
- Khánh thành Tổng kho Mega 2, thuộc Nhà máy chế biến sữa tươi sạch TH của Tập đoàn TH tại huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Đây là kho mới nhất và hiện đại nhất trong chuỗi kho bãi của Tập đoàn TH

đã được xây dựng trước đó tại các tỉnh, thành phố như: Nghệ An, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ, Đồng Nai, Bình Dương...

❖ **Phát triển mạng lưới rộng khắp**

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK là 163 điểm trên địa bàn 39 tỉnh/thành phố với 01 Hội sở chính, 52 Chi nhánh và 110 Phòng giao dịch. Đầu năm 2023, 03 Phòng giao dịch là Kim Bảng, Hữu Lũng, Bến Lức đã chính thức khai trương và đi vào hoạt động, nâng tổng số điểm giao dịch của BAC A BANK lên 166 điểm.

Theo kế hoạch dự kiến năm 2023, Ngân hàng sẽ tiếp tục mở rộng phạm vi hoạt động thêm 03 Chi nhánh mới tại các địa bàn tỉnh Điện Biên, Yên Bái, Cà Mau và 06 Phòng Giao dịch mới trên địa bàn các tỉnh Lào Cai, Bắc Ninh, Nam Định, Bình Dương, Đắk Lắk, Vũng Tàu.

❖ **Không ngừng sáng tạo, cải thiện và nâng cao sản phẩm dịch vụ**

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như của nền kinh tế, Ngân hàng luôn cải tiến không ngừng chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ; trong đó, tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng truyền thống và phát triển nhanh các dịch vụ ngân hàng hiện đại như: dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại hối, đầu tư, tư vấn đầu tư, quản lý tài sản, quản lý rủi ro cho khách hàng và các dịch vụ khác.

Trong các năm gần đây, Ngân hàng đã giới thiệu đến khách hàng hàng loạt các sản phẩm, dịch vụ hấp dẫn, phục vụ các nhu cầu tài chính thiết yếu.

• **Các sản phẩm tín dụng mới linh hoạt, đa dạng**

Nắm bắt được nhu cầu mua sắm lớn (nhà đất, xe cộ) và chi tiêu ngày càng tăng của khách hàng, BAC A BANK tiếp tục cung cấp nhiều sản phẩm cho vay đa dạng, phù hợp với từng nhu cầu của khách hàng như: Cho vay mua ô tô - Dream Car, Cho vay mua bất động sản - Dream Home, Cho vay mua nhà dự án - Premium Home, Cho vay sửa chữa nhà - Fine House, Cho vay học phí TH School - Dream School, Cho vay tiêu dùng - Smart Life,...

Trong năm 2022, Ngân hàng đã triển khai thêm các sản phẩm, chương trình tín dụng đa dạng nhằm hỗ trợ tối đa cho nhu cầu vay vốn của khách hàng, cụ thể:

- Đầu năm 2022, gói tín dụng ưu đãi “Lãi thấp vay nhanh - Kinh doanh khởi sắc” được Ngân hàng triển khai trên toàn hệ thống, đáp ứng nhu cầu tài chính cho khách hàng, từ vay bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh; vay trồng, chăm sóc cây công nghiệp đến vay nông nghiệp trồng rau, hoa, quả.
- Ngày 01/03/2022, BAC A BANK triển khai Chương trình khuyến mại “Giải ngân rộn ràng - Sức khỏe an Khang - Ngập tràn quà tặng”, áp dụng cho các khách hàng cá nhân có nhu cầu vay vốn tại BAC A BANK, đồng thời đăng ký tham gia sản phẩm bảo hiểm nhân thọ của Dai-ichi Life Việt Nam.
- Ngày 01/05/2022, Ngân hàng triển khai Chính sách ưu đãi lãi suất hấp dẫn trong khuôn khổ Chương trình “Nhận khoản vay ưu tiên - Hiện thực mục tiêu sống”, áp dụng cho các khoản vay có tài sản bảo đảm. Với hạn mức lên đến 5.000 tỷ đồng, Chương trình được triển khai xuyên suốt năm 2022, tại hệ thống Chi nhánh BAC A BANK trên phạm vi toàn quốc.
- Cũng trong tháng 05/2022, BAC A BANK chính thức triển khai Chương trình hỗ trợ lãi suất 2%/năm trên lãi vay thực tế từ Ngân sách Nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; góp phần khắc phục khó khăn sau đại dịch Covid - 19, hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

- **Các sản phẩm tiết kiệm**

BAC A BANK thường xuyên chú trọng đổi mới và hoàn thiện các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm nhằm phát triển quy mô Huy động vốn tại Ngân hàng. Tại ngày 31/12/2022, Huy động vốn thị trường 1 của BAC A BANK đạt mức 99.042 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 85,46% trên tổng huy động vốn.

Năm 2022, BAC A BANK tiếp tục triển khai hiệu quả các sản phẩm: “Tiết kiệm lực lượng vũ trang”, “Tiết kiệm người cao tuổi”, “Tiết kiệm Người xây tổ ấm”, “Tiết kiệm sinh lợi mỗi ngày” và “Tiền gửi trực tuyến” đã góp phần giúp Huy động vốn thị trường 1 tăng trưởng 5,25% so với năm 2021.

- **Các chương trình tri ân khách hàng, khuyến mại hấp dẫn**

Với phương châm luôn đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu, BAC A BANK không ngừng cung cấp những trải nghiệm tuyệt vời cho người gửi tiền bằng giá trị gia tăng vượt trội. Trong năm 2022, Ngân hàng đã triển khai hàng loạt các Chương trình khuyến mại (CTKM) hấp dẫn, cạnh tranh như: CTKM “Mừng Xuân bình an - Rinh quà cực sang” với giải thưởng giá trị vô cùng hấp dẫn, tổng giá trị trên 600 triệu đồng; CTKM đặc biệt “Ngàn quà tặng - Vạn yêu thương” dành cho các Khách hàng nữ thân thiết và Khách hàng nữ gửi tiết kiệm tại BAC A BANK nhân dịp Quốc tế Phụ nữ 08/03; CTKM “Lãi gửi hấp dẫn - Quà trao yêu thương” dành riêng cho khách hàng tại TP. Hồ Chí Minh nhằm mục tiêu chung tay góp sức cùng TP. Hồ Chí Minh phục hồi kinh tế, tiếp đà tăng trưởng...

Ngoài ra, BAC A BANK cũng đã liên kết với các đối tác cung cấp dịch vụ và mua sắm, thường xuyên triển khai các ưu đãi dành riêng cho các khách hàng là chủ thẻ của BAC A BANK như: Viettel, MobiFone, Vinaphone, Momo, VNpay, FPT, Airpay, QRPay, Lazada, Adayroi, Vietnam Airlines, Bamboo Airway, CGV Vietnam, BHD Star Cineplex...

- **Siêu thị tài chính BAC A BANK**

BAC A BANK hướng đến mô hình siêu thị tài chính một cửa cho khách hàng. Đây là mô hình kinh doanh kết hợp Ngân hàng - Bảo hiểm (Bancassurance), mang lại những tiện ích vượt trội cho khách hàng. Đến với BAC A BANK, khách hàng sẽ được tiếp cận một siêu thị tài chính đúng nghĩa, nơi có thể lựa chọn các giải pháp tài chính ngân hàng phù hợp với từng nhu cầu khác biệt.

Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, khách hàng được tư vấn các sản phẩm bảo hiểm cho chính khách hàng và tài sản của khách hàng: Bảo hiểm toàn diện xe ô tô - BAUTO, Bảo hiểm toàn diện nhà - BHOME, Bảo hiểm sức khỏe - BCARE, Bảo hiểm tai nạn hộ gia đình - BSAFE, Bảo hiểm Ung thư - BHOPE, Bảo hiểm nhân thọ,... Đây là các sản phẩm bảo hiểm do BAC A BANK là đại lý hợp tác với các công ty bảo hiểm, giúp các khách hàng yên tâm khi mọi kế hoạch, dự định ban đầu sẽ luôn được đảm bảo trong mọi trường hợp.

- ❖ **Thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp**

Nhằm khuyến khích phong trào thi đua nội bộ và thúc đẩy doanh số hoạt động, BAC A BANK đã triển khai hàng loạt các chương trình thi đua trong năm 2022 như: “Tăng tốc giải ngân”; “Bứt phá kinh doanh - Thưởng nhanh xứng tầm”; “Phát hành nhanh - Tranh thưởng lớn”; “Tăng trưởng thể mới - Thưởng tới liền tay”; “Bán siêu Combo - Nhận ngay phần thưởng”; “eKYC: Thi đua tăng trưởng - Giải thưởng về tay”;... đã thu hút sự quan tâm, hưởng ứng của đông đảo các đơn vị và cán bộ nhân viên.

Cũng trong năm 2022, BAC A BANK đã triển khai chuỗi các chương trình thi đua nội bộ của mô hình hợp tác kinh doanh Ngân hàng - Bảo hiểm như: “Tân xuân thắng lợi”, “Hành trình vinh quang 2022”, “Tăng tốc cùng VBI 2022”, “Về đích cùng VBI 2022”, Chương trình thi đua bảo hiểm phi nhân thọ “Về đích cùng MIC”, Chương trình thi đua dành cho các Chi nhánh Khu vực Hà Nội “Hà Nội đồng lòng - Về đích ngoạn mục”,... nhằm hỗ trợ các đơn vị kinh doanh hoàn thành, vượt chỉ tiêu thu phí bảo hiểm và thúc đẩy công tác thu phí chung của toàn hàng năm 2022.

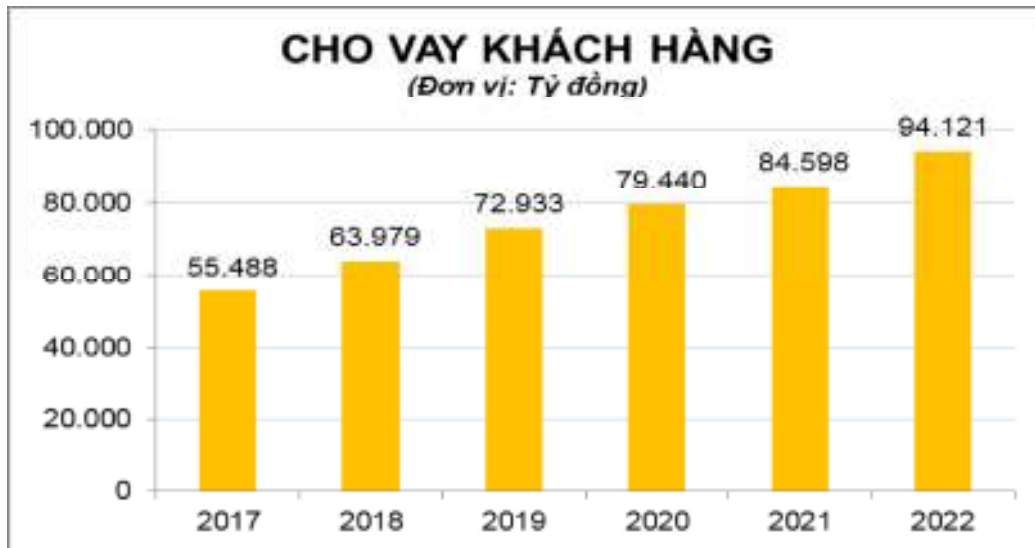
3.2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính nổi bật

3.2.1. Tình hình tài sản

Trong cơ cấu tài sản Ngân hàng, tín dụng và các khoản mục đầu tư luôn chiếm tỷ trọng cao trong bảng tổng tài sản. Trong năm 2022, các khoản mục tài sản của Ngân hàng tăng trưởng ổn định và đi kèm với đó là chất lượng tài sản được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định.

❖ Tăng trưởng tín dụng cao và ổn định với cơ cấu hợp lý, đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng

Trong suốt những năm qua, BAC A BANK luôn kiên định con đường hướng tới các khách hàng ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp nông thôn và các ngành phụ trợ, mang tính an sinh xã hội nhằm tạo ra các giá trị cốt lõi và bền vững. Với đường lối đó, Ngân hàng đã ưu tiên nguồn vốn tín dụng và tư vấn đầu tư vào các doanh nghiệp, dự án nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng như bệnh viện, trường học, sản xuất dược liệu và sữa tươi sạch...



(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK các năm từ 2017 đến 2022)

Trong giai đoạn vừa qua, tổng dư nợ cho vay khách hàng của BAC A BANK liên tục tăng trưởng. Năm 2022, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 94.121 tỷ đồng, tăng 9.523 tỷ đồng, tương ứng tăng 11,26% so với năm 2021. Trong đó, Ngân hàng ưu tiên nguồn vốn cấp tín dụng cho các lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế như lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, y tế và giáo dục; hạn chế cho vay các lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Mặc khác, Ngân hàng chú trọng duy trì sự cân đối giữa cho vay và huy động về cả quy mô, kỳ hạn và loại tiền, đảm bảo sự an toàn, giảm thiểu rủi ro trong việc sử dụng nguồn vốn. Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn của Ngân hàng luôn bám sát chiến lược theo từng thời kì, đảm bảo cân đối về kỳ hạn với nguồn vốn huy động, từ đó góp phần quản lý thanh khoản hiệu quả và giảm thiểu rủi ro về lãi suất. Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi luôn đảm bảo dưới 85% theo quy định của NHNN (tại 31/12/2022, tỷ lệ này là 81,24%).

Cùng với sự tăng trưởng bền vững của hoạt động tín dụng theo định hướng đã đề ra, chất lượng tín dụng cũng luôn được BAC A BANK quan tâm đúng mức. Ngân hàng luôn thực hiện việc kiểm soát chính sách tín dụng một cách chặt chẽ và thận trọng. Công tác rà soát, phân loại nợ và trích lập dự phòng đầy đủ theo đúng các quy định hiện hành của NHNN luôn được thực hiện nghiêm túc. Tại thời điểm cuối năm 2022, tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng của Ngân hàng là 0,55% tổng dư nợ cho vay khách hàng.

❖ Ngân hàng thực hiện đầu tư linh hoạt, hiệu quả

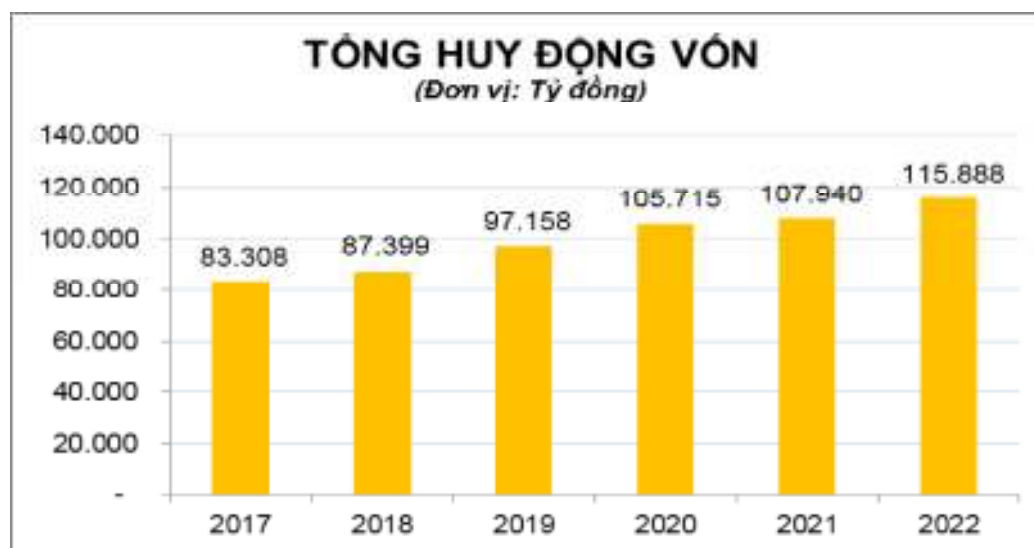
Nhằm tối ưu hóa nguồn vốn khả dụng, đồng thời giảm dần phụ thuộc thu nhập từ tín dụng, Ngân hàng đã đẩy mạnh hoạt động đầu tư và góp vốn một cách linh hoạt, hiệu quả và luôn duy trì tỷ trọng đầu tư hợp lý

trong tổng tài sản. Trong đó, chủ yếu là đầu tư trái phiếu Chính phủ và trái phiếu các TCTD với ưu điểm ít rủi ro và có tính thanh khoản tốt với mức sinh lời hợp lý. Ngân hàng chủ trương không chú trọng đầu tư cổ phiếu. Với nguồn vốn khả dụng dồi dào trong khi tăng trưởng tín dụng thận trọng thì việc đầu tư vào trái phiếu là tối ưu, vừa đảm bảo khả năng sinh lời, vừa đảm bảo tính thanh khoản cao cho Ngân hàng; đồng thời, cũng góp phần làm giảm sự phụ thuộc thu nhập vào hoạt động tín dụng.

3.2.2. Tình hình nợ phải trả

❖ Huy động vốn từng bước tăng trưởng bền vững

Huy động vốn là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu xuyên suốt trong quá trình hoạt động của Ngân hàng, bởi đây là nguồn vốn khả dụng chủ yếu cho các hoạt động tín dụng và đầu tư. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, Ngân hàng đã triển khai các Chương trình khuyến mại hấp dẫn, không ngừng đa dạng hóa các sản phẩm tiền gửi phù hợp với từng phân khúc khách hàng, đồng thời đẩy mạnh công tác thương hiệu nhằm thu hút khách hàng.



(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của BAC A BANK các năm từ 2017 đến 2022)

Năm 2022, tổng huy động vốn của Ngân hàng đạt 115.888 tỷ đồng, tăng trưởng 7,36% so với năm 2021. Trong đó, huy động vốn thị trường 1 tăng 4.938 tỷ đồng, tương ứng tăng 5,25% so với năm 2021, nâng tổng huy động vốn thị trường 1 lên 99.042 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 85,46% trên tổng huy động vốn. Huy động từ thị trường 2 tại thời điểm 31/12/2022 là 16.846 tỷ đồng, chỉ chiếm tỷ trọng 14,54% tổng huy động. Với cơ cấu này, Ngân hàng hoàn toàn chủ động về nguồn vốn khả dụng, không bị phụ thuộc vào thị trường 2 và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Đạt được kết quả tích cực trong công tác huy động vốn có sự đóng góp không nhỏ của hệ thống nhận diện thương hiệu mới của Ngân hàng đã tạo được dấu ấn tốt và niềm tin cho khách hàng. Sau thời gian tự tái cấu trúc chuyển đổi sang mô hình hoạt động mới của một ngân hàng thương mại hiện đại, đầu tư nâng cấp hệ thống phần mềm mới nhằm phục vụ khách hàng tốt hơn, tinh chuyên nghiệp hóa trong hoạt động của Ngân hàng đã được nâng cao và đã tạo được ấn tượng tốt với các khách hàng đến giao dịch tại Ngân hàng.

Trong thời gian qua, Ngân hàng phát triển các dịch vụ, tiện ích phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; bên cạnh đó, không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ, tăng cường khuyến mãi, quà tặng tri ân khách hàng thân thiết nhằm tạo mối quan hệ gắn bó. Công tác đào tạo cán bộ chăm sóc khách hàng cũng luôn chú trọng để đảm bảo chất lượng cán bộ được đào tạo chuyên sâu và chuyên nghiệp.

3.3. Kế hoạch phát triển

Với mục tiêu sẽ trở thành một ngân hàng đa năng có quy mô vừa, kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, đặc biệt chú trọng hoạt động tư vấn đầu tư và ưu tiên cho vay các khách hàng trong lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục... BAC A BANK sẽ thúc đẩy toàn diện hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch trên mọi mặt công tác.

Các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm 2023 là:

(1) - Về công tác huy động vốn: Tiếp tục đẩy mạnh công tác huy động vốn từ dân cư và tổ chức kinh tế, khuyến khích tăng trưởng nguồn vốn giá rẻ để duy trì ổn định nguồn vốn và nâng cao hiệu quả kinh doanh; Thực hiện các giải pháp để tăng quy mô và tăng huy động kỳ hạn dài, tăng tỷ trọng huy động vốn TCKT, từng bước giảm dần giá vốn; Xây dựng gói chính sách ưu đãi, hấp dẫn song song với việc xây dựng chính sách chăm sóc khách hàng VIP, tiến hành phân lớp khách hàng chi tiết hơn để thúc đẩy huy động vốn trong năm 2023 và những năm tiếp theo.

(2) - Về hoạt động cho vay và xử lý nợ xấu: Thực hiện cho vay theo định hướng của HĐQT và mức tăng trưởng được giao của NHNN; Tăng cường giám sát hoạt động cho vay để đảm bảo chất lượng tín dụng, đôn đốc thu hồi nợ, đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu; Đẩy mạnh công tác hỗ trợ tín dụng để thúc đẩy tín dụng tại các Chi nhánh. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, thực hiện quyết liệt các biện pháp thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu, duy trì tỷ lệ nợ xấu theo kế hoạch đề ra, trích lập dự phòng rủi ro đủ theo quy định.

(3) - Về công tác phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục ưu tiên phát triển nguồn nhân lực nội bộ hiện có, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài để bổ sung nhân sự cho hoạt động kinh doanh của các đơn vị. Tiếp tục rà soát xây dựng, bổ sung đầy đủ và hoàn thiện các chính sách nhân sự, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tuyển dụng.

(4) - Về hoạt động tư vấn đầu tư: Tiếp tục thực hiện tốt công tác tư vấn đầu tư gồm các nội dung tư vấn như: Lập báo cáo đầu tư cho các dự án; Tư vấn cấp giấy chứng nhận đầu tư/ quyết định chủ trương đầu tư; Tư vấn lập đề án/ phương án sản xuất kinh doanh; Tư vấn hoàn thiện thủ tục pháp lý; Tư vấn thu xếp vốn; Tư vấn về các chính sách liên quan đến hoạt động đầu tư như: thuế, đất đai, môi trường, các chính sách hỗ trợ đầu tư,... Phấn đấu hoàn thành kế hoạch thu phí dịch vụ tư vấn đầu tư đã đề ra từ đầu năm.

(5) - Về hoạt động dịch vụ: Thúc đẩy hoạt động dịch vụ, tăng tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu nhập thuần. Tiếp tục tập trung đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ tầng công nghệ. Tiếp tục đẩy mạnh Dự án ngân hàng số và Thẻ tín dụng.

(6) - Quản lý chi phí: Tiếp tục đẩy mạnh quản lý chi phí hoạt động để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị trên toàn hệ thống. Tăng cường quản lý chi phí thường xuyên, giám sát thực hiện các quy định thu chi nội bộ, tổng hợp đánh giá hiệu quả quản lý chi phí toàn ngân hàng và từng đơn vị kinh doanh.

(7) - Phát triển mạng lưới: Khẩn trương hoàn thành xây dựng cải tạo địa điểm, chuẩn bị cơ sở vật chất và tuyển dụng nhân sự để đưa các Chi nhánh, Phòng giao dịch đã được cấp phép đi vào hoạt động sớm. Tiếp tục tìm kiếm, khảo sát khả năng mở rộng mạng lưới tại các địa bàn tiềm năng, hoàn thành các thủ tục xin cấp phép theo kế hoạch đề ra.

(8) - Công nghệ thông tin: Tiếp tục đầu tư để phát triển hệ thống công nghệ thông tin, duy trì hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, bảo mật; Cải tiến các tính năng hiện có để nâng cao tính tiện dụng các nghiệp vụ hiện tại, đầu tư bổ sung các tính năng mới để đáp ứng tốc độ phát triển của ngân hàng; Xây dựng lộ trình cải tiến công nghệ phù hợp với xu thế phát triển công nghệ hiện nay.

(9) - Quản trị rủi ro: Nâng cao công tác quản trị rủi ro, tăng cường kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ để ngăn ngừa, cảnh báo rủi ro, phát hiện kịp thời các sai phạm về hoạt động kinh doanh. Tham gia quá

trình kiểm soát rủi ro đối với từng sản phẩm, từng quy trình, quy chế hoạt động vận hành tác nghiệp; Lập kế hoạch kiểm tra, kiểm toán nội bộ trong năm và triển khai thực hiện, chú trọng vào những đơn vị, những mảng nghiệp vụ có đánh giá mức độ rủi ro cao; Xử lý nghiêm các sai phạm, vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

(10) - Truyền thông quảng bá thương hiệu: Thực hiện tốt công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu, công tác xã hội, thiện nguyện, tham gia các giải thưởng bình chọn của một số tổ chức uy tín trong nước và quốc tế nhằm tiếp tục nâng cao hình ảnh, uy tín, vị thế thương hiệu BAC A BANK trên thị trường.

4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của BAC A BANK

Năm 2022, theo nhận định của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng kinh tế toàn cầu chững lại ở mức 3,2%. Xung đột Nga - Ukraine gia tăng kết hợp với chính sách “Zero Covid” của Trung Quốc làm chậm lại đà phục hồi kinh tế toàn cầu sau đại dịch Covid - 19, gây ra tình trạng gián đoạn nguồn cung và đẩy giá hàng hóa thế giới (bao gồm giá dầu, lương thực, thực phẩm) tăng mạnh; từ đó làm gia tăng chi phí sản xuất, khiến lạm phát toàn cầu tăng lên nhanh chóng tại nhiều quốc gia. Cũng theo IMF, lạm phát toàn cầu đạt đỉnh trong năm 2022, tăng từ 4,7% năm 2021 lên 8,8% năm 2022. Điều này đã khiến Ngân hàng Trung ương các nước phải thực hiện thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất để kiểm soát lạm phát.

Trong nước, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, tạo đà hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2022 và giai đoạn 2021 - 2025 mà Nghị quyết Đại hội XIII đề ra, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương theo dõi sát sao tình hình, sự thay đổi chính sách của các nước trên thế giới để kịp thời ban hành các chính sách tiền tệ, tài khóa và các giải pháp vĩ mô phù hợp. Nhờ đó, nền kinh tế nước ta phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo.

Bên cạnh sự bình tĩnh, chủ động trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, NHNN cũng đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách, góp phần ổn định thị trường tài chính tiền tệ, thanh khoản hệ thống ngân hàng được đảm bảo. Tính đến 21/12/2022 và so với cùng thời điểm năm 2021, tổng phương tiện thanh toán tăng 3,85%; huy động vốn của các TCTD tăng 5,99%; tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 12,87%. Đặc biệt, tháng 11/2022, Bộ Tài chính Hoa Kỳ đã đưa Việt Nam ra khỏi Danh sách giám sát nâng cao về thao túng tiền tệ; đồng thời, đánh giá cao công tác điều hành chính sách tiền tệ, tỷ giá của NHNN.

Trong bối cảnh đó, BAC A BANK tiếp tục bám sát chiến lược phát triển và các mục tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng Quản trị đã tập trung chỉ đạo Ban Điều hành và toàn hệ thống phát huy thế mạnh, khắc phục khó khăn, tồn tại và nỗ lực hoàn thành những kết quả quan trọng như sau:

- Hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2022

Toàn hệ thống BAC A BANK đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022; trong đó, một số chỉ tiêu hoàn thành vượt kế hoạch và đạt cao nhất so với các năm trước đây gồm: Huy động vốn thị trường 1 đạt 99.042 tỷ đồng, tăng 5,25% so với năm 2021; Dư nợ cho vay khách hàng tăng 11,26%, vượt 843 tỷ đồng so với kế hoạch kinh doanh; Lợi nhuận sau thuế đạt 833 tỷ đồng, hoàn thành vượt kế hoạch đặt ra.

Bên cạnh đó, BAC A BANK tuân thủ trong giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước về các chỉ số an toàn trong hoạt động. Các chỉ số về hiệu quả kinh doanh (ROE, ROA) của Ngân hàng nằm trong nhóm ngân hàng TMCP có chỉ số tốt.

- Đẩy mạnh thực hiện Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025

Ngày 15/11/2022, BAC A BANK chính thức ban hành Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025; theo đó, Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nội dung trong Phương án cơ

cấu lại để đạt mục tiêu trở thành một ngân hàng có quy mô vừa, tăng trưởng lành mạnh, chất lượng và hiệu quả cao, tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực quản trị điều hành, năng lực tài chính, năng lực công nghệ, năng lực cạnh tranh,... Nhìn chung, đến cuối năm 2022, Ngân hàng đã cơ bản hoàn thành các nội dung mục tiêu, kế hoạch đề ra theo lộ trình thực hiện của Phương án.

- **Tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động, bổ sung củng cố bộ máy tổ chức nhân sự**

Trong năm 2022, BAC A BANK được Ngân hàng Nhà nước tiếp tục cấp phép và đã hoàn thành mở rộng mạng lưới hoạt động thêm 17 điểm giao dịch gồm 07 Chi nhánh tại địa bàn TP. Hà Nội và các tỉnh An Giang, Bình Thuận, Đồng Tháp, Hải Dương, Hòa Bình và Phú Thọ cùng 10 Phòng giao dịch tại địa bàn TP. Hà Nội (03) và các tỉnh Hà Giang, Thừa Thiên Huế, Thái Bình, Bình Định, Phú Yên, Đắk Lắk và Đồng Nai. Dự kiến trong năm 2023, BAC A BANK sẽ mở rộng mạng lưới thêm 03 Chi nhánh và 06 Phòng giao dịch mới.

Đến 31/12/2022, BAC A BANK có mạng lưới 163 điểm giao dịch, gồm 01 Hội sở, 52 Chi nhánh, 110 Phòng giao dịch tại 39 tỉnh thành trên toàn quốc với đội ngũ cán bộ nhân viên 3.254 người, cơ cấu tổ chức bộ máy được củng cố, nâng cấp, sắp xếp lại phù hợp.

- **Năm tiếp nối thành công của các dự án do BAC A BANK tư vấn đầu tư**

Năm 2022 là năm tiếp nối thành công của các Dự án do BAC A BANK tư vấn đầu tư; theo đó, cuối năm 2022, đầu năm 2023, trang trại bò sữa của Tập đoàn TH tại tỉnh Kaluga, Liên bang Nga - Cụm trang trại bò sữa thứ 2 của Tập đoàn TH do BAC A BANK tư vấn đầu tư đã hoàn thành và bắt đầu chăn nuôi bò sữa, đánh dấu bước tiến mạnh mẽ tiếp theo của Tập đoàn TH với Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa TH tại Nga. Ngoài ra, Dự án nhà máy sữa TH tại Liên bang Nga đã hoàn thành hơn 90% của Giai đoạn 1 và dự kiến sẽ hoàn thành toàn bộ Dự án vào năm 2024.

Đặc biệt, ngày 18/02/2022, tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, Tập đoàn TH tổ chức Lễ động thổ xây dựng Nhà máy Chế biến thực phẩm sạch, đánh dấu bước đi quan trọng tiếp theo trên con đường thực hiện cuộc cách mạng dinh dưỡng người Việt của Tập đoàn TH. Nhà máy Chế biến thực phẩm sạch Thái Bình là nhà máy thứ 4 của Tập đoàn TH tại Việt Nam, với quy mô dự kiến 620 tỷ đồng, sản xuất sản phẩm mang giá trị cốt lõi “Vi sức khỏe cộng đồng”, cung cấp nguồn thực phẩm chất lượng cao, dinh dưỡng lành mạnh cho gian bếp Việt. Dự án này cũng là một trong những dự án trọng điểm do BAC A BANK tư vấn đầu tư trong năm 2022.

- **Các giải thưởng được trao tặng**

Năm 2022, Lãnh đạo, các cá nhân và tập thể Ngân hàng tiếp tục nhận được nhiều giải thưởng có uy tín. Anh hùng lao động Thái Hương - Tổng Giám đốc BAC A BANK được vinh danh trong danh sách “**Forbes 50 Over 50 Asia 2022**” - Top 50 phụ nữ Châu Á trên 50 tuổi có sức ảnh hưởng lớn, tích cực ở tầm quốc tế. Bên cạnh đó, 04 tập thể và 06 cá nhân của BAC A BANK đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trao tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc, góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng năm 2020 - 2021.

4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

Các thành viên HĐQT, Ban Điều hành luôn đặt lợi ích của cổ đông, của Nhà nước và Ngân hàng làm mục tiêu hoạt động hàng đầu, thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành của mình và hoàn thành các chức trách, nhiệm vụ được giao.

Hội đồng Quản trị thực hiện nghiêm túc và sát sao việc giám sát hoạt động của Ban Điều hành theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế quản trị, điều hành Ngân hàng. Đồng thời chỉ đạo, phối hợp với Ban Điều hành để triển khai các nhiệm vụ, định hướng mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Hội đồng Quản trị thực hiện trách nhiệm giám sát thường xuyên đối với Ban Điều hành qua các cuộc họp định kỳ. Tổng Giám đốc tham dự đầy đủ các buổi họp, báo cáo tình hình mọi mặt hoạt động của Ngân hàng cũng như các kế hoạch sắp tới. Bên cạnh đó, Tổng Giám đốc cũng đưa ra nhiều ý kiến xây dựng

quan trọng, đề xuất các kế hoạch trình Hội đồng Quản trị. Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị đưa ra các quyết định kịp thời hoặc phân cấp, phân quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện, triển khai thực hiện.

Năm 2022, trước những thách thức, khó khăn riêng của nền kinh tế thế giới nói chung, cạnh tranh ngày càng cao trong ngành ngân hàng, Ban Điều hành đã tiếp tục chỉ đạo điều hành sát sao, quyết liệt trên cơ sở bám sát các định hướng của Hội đồng Quản trị cũng như bám sát các mục tiêu chiến lược trung, dài hạn và các mục tiêu cụ thể cho năm 2022 do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó.

4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng 4.0 đang diễn ra một cách mạnh mẽ, Ngân hàng đứng trước những cơ hội cũng như thách thức mới. Công nghệ đang dần ảnh hưởng mạnh mẽ đến cách vận hành ngân hàng và công tác quản trị nguồn nhân lực cũng như ngày càng liên quan mật thiết đến cách thức ngân hàng kết nối với khách hàng. Nắm bắt xu hướng đó, BAC A BANK đã và đang chủ động xây dựng, phát triển mô hình ngân hàng số, trước mắt là tập trung đẩy mạnh thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025 để đạt mục tiêu trở thành ngân hàng số hàng đầu tại Việt Nam.

BAC A BANK tiếp tục phát huy thế mạnh tư vấn đầu tư và cho vay đối với các lớp khách hàng phát triển chuyên sâu và bền vững trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với những sản phẩm nông nghiệp hữu cơ chất lượng, phù hợp với xu hướng thị trường; phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Hội đồng Quản trị chỉ đạo sát sao Ban Điều hành và toàn hệ thống nỗ lực tối đa triển khai các giải pháp thực hiện các mục tiêu chiến lược đề ra, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023.

Các nội dung cơ bản trong chỉ đạo điều hành của Hội đồng Quản trị gồm:

- Thực hiện các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng lành mạnh, an toàn, có chất lượng và hiệu quả về quy mô hoạt động kinh doanh. Cụ thể: Tiếp tục triển khai tăng Vốn điều lệ theo lộ trình để đảm bảo đáp ứng đủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; Đẩy mạnh tăng trưởng huy động vốn khách hàng và chuyển dịch tăng huy động vốn kỳ hạn dài; Tăng trưởng tín dụng đúng định hướng, đảm bảo chất lượng tín dụng, quyết liệt xử lý nợ xấu; Tiếp tục cơ cấu lại danh mục tài sản, công nợ, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư; Phát triển hệ thống mạng lưới, các kênh phân phối, phát triển thị trường và sản phẩm dịch vụ bán lẻ, tăng mức thu dịch vụ; Tiếp tục nâng cao mức độ nhận biết thương hiệu, tham gia các giải thưởng, bình chọn uy tín.
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị điều hành, củng cố tổ chức, nhân sự: Nâng cao điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực quản trị, kinh nghiệm công tác và trình độ chuyên môn đối với đội ngũ lãnh đạo chủ chốt. Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ nhân viên để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện có, hoàn thiện công tác tổ chức nhân sự, xây dựng các chính sách đãi ngộ và tạo môi trường làm việc thuận lợi để cạnh tranh và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống quản trị phù hợp với các chuẩn mực hiện nay, tăng cường công tác quản trị rủi ro, đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động để ngăn ngừa và phát hiện các sai phạm trong hoạt động kinh doanh.
- Công nghệ thông tin và hạ tầng kỹ thuật: Tiếp tục đầu tư để nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng được yêu cầu về phát triển và công tác quản trị của Ngân hàng.
- Triển khai đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ nhằm giảm bớt sự phụ thuộc của thu nhập và lợi nhuận từ hoạt động tín dụng. Khai thác thu dịch vụ từ hoạt động thế mạnh là dịch vụ tư vấn đầu tư. Thúc đẩy việc thực hiện Dự án Ngân hàng số.
- Tiếp tục nâng cao tính công khai, minh bạch hóa trong mọi hoạt động, thực hiện nghiêm túc, đúng quy định chế độ công bố thông tin.

5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
THÔNG TIN CHUNG	02
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	06 - 54
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 54

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á

Số 117 Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) được thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp số 0052/NH-GP ngày 01/09/1994, đã được cấp đổi theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 47/GPNHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 16/04/2019, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2900325526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 10/10/1995 và thay đổi lần thứ 36 ngày 22/11/2022.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 117, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Thoàng	Chủ tịch
Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch
Ông Võ Văn Quang	Ủy viên
Ông Đặng Thái Nguyên	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Phảng	Ủy viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hồng Công	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Thái Đình Long	Thành viên
Bà Trương Thị Kim Thư	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Thái Hương	Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	
Ông Chu Nguyên Bình	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Việt Hanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2022)
Ông Lê Ngọc Hồng Nhật	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ái Dân	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Hồng Yến	Kế toán trưởng	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Bà Thái Hương - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Ngân hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Phê chuẩn Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 6 đến trang 54. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Thái Hương
Tổng Giám đốc
Nghệ An, ngày 22 tháng 03 năm 2023



Số: 220323.006/BCTC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á được lập ngày 22 tháng 03 năm 2023, từ trang 6 đến trang 54, bao gồm: báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Lan

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3655-2021-002-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	711.783	649.952
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	6	786.421	1.023.135
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	11.894.805	10.596.053
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		11.037.227	8.680.350
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		857.578	1.915.703
IV	Chứng khoán kinh doanh	8	4.768.290	8.528.001
1	Chứng khoán kinh doanh		4.768.290	8.528.001
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	103.023	5.097
VI	Cho vay khách hàng		93.073.482	83.538.267
1	Cho vay khách hàng	10	94.120.600	84.598.379
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(1.047.118)	(1.060.112)
VIII	Chứng khoán đầu tư	12	12.948.408	11.865.780
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		12.976.384	11.882.280
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(27.976)	(16.500)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	142.878	147.032
4	Đầu tư dài hạn khác		162.845	162.845
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(19.967)	(15.813)
X	Tài sản cố định		761.286	759.258
1.	Tài sản cố định hữu hình	14	177.211	174.474
a	Nguyên giá TSCĐ		472.778	439.063
b	Hao mòn TSCĐ		(295.567)	(264.589)
3.	Tài sản cố định vô hình	15	584.075	584.784
a	Nguyên giá TSCĐ		682.213	674.463
b	Hao mòn TSCĐ		(98.138)	(89.679)
XI	Bất động sản đầu tư	16	3.683	14.461
a	Nguyên giá BĐSĐT		3.683	14.461
XII	Tài sản Có khác	17	3.599.479	2.664.770
1	Các khoản phải thu		663.435	191.405
2	Các khoản lãi, phí phải thu		2.886.583	2.438.595
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		82	83
4	Tài sản Có khác		49.379	34.687
	TỔNG TÀI SẢN CỐ		128.793.538	119.791.806

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2022 Triệu VND	31/12/2021 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	18	52.584	95.504
1	Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		52.584	95.504
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	19	11.090.139	9.086.568
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		11.047.110	9.060.479
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		43.029	26.089
III	Tiền gửi của khách hàng	20	96.904.601	93.440.398
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	21	3.120	3.671
VI	Phát hành giấy tờ có giá	22	7.837.881	5.313.965
VII	Các khoản nợ khác		3.104.782	2.800.557
1	Các khoản lãi, phí phải trả		2.624.364	2.540.562
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	23	480.418	259.995
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		118.993.107	110.740.663
VIII	Vốn chủ sở hữu	24	9.800.431	9.051.143
1	Vốn của tổ chức tín dụng		8.141.261	7.538.753
<i>a</i>	<i>Vốn điều lệ</i>		8.133.863	7.531.355
<i>c</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>		7.398	7.398
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		794.817	686.254
5	Lợi nhuận chưa phân phối		864.353	826.136
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		128.793.538	119.791.806

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2022	31/12/2021
			Triệu VND	Triệu VND
1	Bảo lãnh vay vốn	38	272.873	93.986
2	Cam kết giao dịch hối đoái	38	29.294.106	42.053.414
a	Cam kết mua ngoại tệ		9.537.750	2.853.900
b	Cam kết bán ngoại tệ		8.007.000	3.420.150
c	Cam kết giao dịch hoán đổi		11.749.356	35.779.364
3	Cam kết cho vay không hủy ngang	38	207.293	152.189
5	Bảo lãnh khác	38	740.688	621.384
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	39	544.144	634.584
8	Nợ khó đòi đã xử lý	40	2.637.983	2.479.706

Người lập biểu

Liên

Đoàn Thị Trang Liên

Kế toán trưởng

Yên

Nguyễn Hồng Yên

Nghệ An, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Thái Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			Triệu VND	Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	10.342.019	9.458.828
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(7.828.820)	(7.341.600)
I	Thu nhập lãi thuần		2.513.199	2.117.228
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		126.936	90.073
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(35.806)	(25.214)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	27	91.130	64.859
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	51.640	29.597
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	107.476	169.409
5	Thu nhập từ hoạt động khác		156.698	160.252
6	Chi phí hoạt động khác		(59.374)	(79.235)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	30	97.324	81.017
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	6.907	1.978
VIII	Chi phí hoạt động	32	(1.716.333)	(1.312.134)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.151.343	1.151.954
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(112.384)	(243.589)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		1.038.959	908.365
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	33	(206.439)	(181.276)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(1)	(750)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(206.440)	(182.026)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		832.519	726.339
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Ngân hàng		832.519	726.339
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	34	1.024	893

Nghệ An, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Đoàn Thị Trang Liên

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Yến



Chủ tịch Hội đồng Giám đốc

Phái Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2022 Triệu VND	Năm 2021 Triệu VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		8.808.777	8.389.653
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(7.745.018)	(7.533.736)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		91.130	86.521
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		1.218.992	1.387.713
05	Thu nhập khác		(43.182)	(77.612)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro		140.507	158.629
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.550.268)	(1.269.903)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm		(183.320)	(182.810)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		737.618	958.455
Những thay đổi về tài sản hoạt động				
09	(Tăng)/Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		1.058.125	(1.314.708)
10	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		2.065.607	(1.391.260)
11	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(97.926)	4.642
12	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(9.522.221)	(5.152.696)
13	Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản		(109.748)	5.919
14	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(461.346)	27.285
Những thay đổi về công nợ hoạt động				
15	Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		(42.920)	(52.033)
16	Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng		2.003.571	(4.145.396)
17	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng		3.464.203	6.998.176
18	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		2.288.516	(575.870)
19	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		(551)	551
21	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		22.094	(128.523)
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(31.827)	(33.218)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.373.195	(4.798.676)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
01	Mua sắm tài sản cố định		(44.286)	(70.384)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	966
04	Mua sắm bất động sản đầu tư		-	(10.778)
05	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		10.778	-
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	32.815
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		6.907	1.978
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(26.601)	(45.403)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

(Tiếp theo)

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2022 Triệu VND	Năm 2021 Triệu VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
02	Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		235.400	-
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		235.400	-
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.581.994	(4.844.079)
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm		10.953.437	15.797.516
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	35	<u>12.535.431</u>	<u>10.953.437</u>

Người lập biểu

Đoàn Thị Trang Liên

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Yến

Nghệ An, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Giám đốc

Thái Hương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng có thời gian hoạt động là 99 năm kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 và Giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp số 0052/NH-GP ngày 01/09/1994, đã được cấp đổi theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 47/GPNHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 16/04/2019.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm:

- Kinh doanh tiền tệ;
- Kinh doanh khách sạn;
- Cho thuê văn phòng;
- Đại lý bảo hiểm;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn thuế, kiểm toán, kế toán và tư vấn pháp luật);
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Hoạt động ngoại hối;
- Hoạt động bao thanh toán;
- Phái sinh về lãi suất;
- Chiết khấu công cụ, chuyển nhượng Giấy tờ có giá.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 8.133.863.400.000 VND (Tám nghìn một trăm ba mươi ba tỷ, tám trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 117, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, năm mươi hai (52) chi nhánh và hai (02) công ty con tại Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2022 của Ngân hàng là:

Công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ti lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Bắc Á (AMC)	Quản lý nợ và khai thác tài sản bảo đảm nợ vay	100,00%
Công ty TNHH Kiều Hối Bắc Á	Cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ	100,00%

Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng và các công ty con có 3.254 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.702 nhân viên).

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 . Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2.2 . Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính của Ngân hàng và các công ty con là đồng Việt Nam (VND). Cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“Triệu đồng”). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng.

3 . CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 . Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 . Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/04/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/04/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các Văn bản sửa đổi, bổ sung Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN và Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN được ban hành bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bao gồm: Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20/03/2014, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014, Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017 và Thông tư 27/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.3 . Giả định hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Ngân hàng và nhận thấy Ngân hàng có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3.4 . Các cơ sở đánh giá và ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.5 . Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng và Báo cáo tài chính của các công ty con do Ngân hàng kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Ngân hàng. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Ngân hàng và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 . Thay đổi về chính sách kế toán**

Các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, ngoại trừ:

- Ngày 30 tháng 7 năm 2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 11/2021/TT-NHNN quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 11”). Thông tư 11 thay thế Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”) và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02. Thông tư 11 có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 và áp dụng phi hồi tố.
- Ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 27/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/04/2004 và chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/04/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“Thông tư 27”). Thông tư 27 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2022. Ngân hàng đã điều chỉnh lại tài khoản hạch toán kế toán và trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư 27.
- Ngày 07 tháng 04 năm 2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 24/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ công trình xây dựng tại doanh nghiệp (“Thông tư 24”). So với quy định trước đó, Thông tư 24 bổ quy định về trích lập dự phòng đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương. Thông tư 24 có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 05 năm 2022, đối với số dư dự phòng các khoản đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương mà Ngân hàng đã trích lập đến trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành (nếu có) được hoàn nhập, ghi giảm chi phí tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 . Các giao dịch ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó (“tỷ giá giao ngay”) tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán, trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán thì Ngân hàng dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND theo tỷ giá mua bán giao ngay tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả có nguồn gốc ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.3 . Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, trừ tiền gửi thanh toán là tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác có kỳ hạn tối đa 03 tháng.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá 12 tháng.

Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo sổ dư nợ gốc.

Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo sổ dư nợ gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Việc phân loại các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 11”). Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng rủi ro cụ thể cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 4.4.

Theo Thông tư 11, Ngân hàng không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

4.4 . Các khoản cho vay khách hàng

Dư nợ cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo sổ dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày một đồng riêng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản cho vay có kỳ hạn đến 1 năm; các khoản cho vay trung hạn có kỳ hạn từ trên 1 năm đến 5 năm và các khoản cho vay dài hạn có kỳ hạn trên 5 năm kể từ ngày giải ngân.

Theo Thông tư 11, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ*, *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“Thông tư 01”) quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19, được sửa đổi bởi Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/04/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“Thông tư 03”) và Thông tư 14/2021/TT-NHNN ngày 07/09/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“Thông tư 14”), Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời gian trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ trước thời điểm cơ cấu đối với các khoản nợ phát sinh trước ngày 01/08/2021 đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14.

Ngoài ra, theo Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20/03/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản cho vay khách hàng cũng được phân loại thành: *Nợ trong hạn và Nợ quá hạn* dựa vào trạng thái quá hạn của một khoản vay theo hợp đồng tín dụng hoặc các phụ lục gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn nợ.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung được lập hàng tháng theo quy định tại Thông tư 11.

Dự phòng cụ thể được tính dựa trên tỷ lệ dự phòng và số dư các khoản cho vay sau khi trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo tỷ lệ quy định cho từng loại tài sản đảm bảo. Tỷ lệ dự phòng cụ thể áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Ngoài ra, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng được cơ cấu lại thời gian trả nợ, miễn, giảm lãi theo quy định tại Thông tư 03 như sau:

- Xác định số tiền dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11: (A)
- Xác định số tiền dự phòng cụ thể đối với phần dư nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14; và đối với phần dư nợ còn lại của khách hàng theo Thông tư 11: (B)
- Dự phòng cụ thể trích bổ sung (C) bằng chênh lệch (A) - (B) được thực hiện trích bổ sung như sau:
 - + Đến thời điểm 31/12/2021: Tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
 - + Đến thời điểm 31/12/2022: Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
 - + Đến thời điểm 31/12/2023: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Dự phòng chung được trích lập bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 theo quy định tại Thông tư 11.

Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 11, Ngân hàng sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong các trường hợp:

- Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết, mất tích;
- Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 5.

4.5 . Các khoản đầu tư

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác mà Ngân hàng mua hẳn và dự định bán ra trong thời gian không quá một năm nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14/04/2009, đối với khoản mục chứng khoán kinh doanh, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán kinh doanh ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trên sổ sách và giá thị trường.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở thực thu.

b) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14/04/2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn được nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với các chứng khoán vốn, đơn vị được đầu tư không phải là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Ngân hàng và Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập, không là đối tác chiến lược, không có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trên sổ sách và giá thị trường.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá cộng (+) Lãi cộng dồn/Lãi chờ phân bổ cộng (+) Giá trị phụ trội/chiết khấu chưa phân bổ. Giá trị phụ trội và chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chứng khoán đó, số tiền lãi dồn tích sau khi mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng trên cơ sở dồn tích. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định nhằm mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá cộng (+) Lãi cộng dồn/Lãi chờ phân bổ cộng (+) Giá trị phụ trội/chiết khấu chưa phân bổ. Giá trị phụ trội/chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chứng khoán đó, số tiền lãi dồn tích sau khi mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng trên cơ sở dồn tích. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Nghiệp vụ mua bán nợ giữa Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") và các tổ chức tín dụng

Khi Ngân hàng thực hiện nghiệp vụ bán nợ nhận trái phiếu đặc biệt từ VAMC và hoàn thành thủ tục bán nợ cho VAMC, Ngân hàng sẽ theo dõi số trái phiếu đặc biệt nhận từ VAMC qua nghiệp vụ mua bán nợ trên tài khoản chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với giá bán nợ xấu là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản vay được bán.

Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán trong các trường hợp sau đây:

- Số tiền rủi ro trích lập cho trái phiếu đặc biệt không thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu có liên quan đang theo dõi trên sổ sách của VAMC, trong đó bao gồm cả các trường hợp sau đây:
 - VAMC bán khoản nợ xấu cho tổ chức, cá nhân, kể cả trường hợp bán lại khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt cho tổ chức tín dụng bán nợ theo giá trị trường hoặc giá thỏa thuận;
 - VAMC chuyển toàn bộ khoản nợ xấu đã mua thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng là doanh nghiệp.
- Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán.

c) Góp vốn, đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán có thời gian nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm và Ngân hàng là cổ đông sáng lập, hoặc là đối tác chiến lược hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành nhưng Ngân hàng không có quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị được đầu tư. Các khoản đầu tư dài hạn khác ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

d) Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán (không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/04/2022 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định như sau:

- Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư căn cứ báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.
- Trường hợp chứng khoán đã được niêm yết trên thị trường hoặc cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng; chứng khoán bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch tại ngày trích lập dự phòng thì mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư căn cứ báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng niêm yết (UPCom), Ngân hàng thực hiện dự phòng rủi ro theo quy định tại Thông tư 11 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.4.

Theo Thông tư 11, Ngân hàng không phải trích lập dự phòng chung đối với trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành.

Đối với trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, Ngân hàng thực hiện tính toán và trích lập dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo mệnh giá và thời hạn của trái phiếu trừ (-) số tiền đã thu hồi được từ khoản nợ đã bán theo quy định tại Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/09/2013 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28/08/2015, Thông tư số 08/2016/TT-NHNN ngày 16/06/2016 và Thông tư số 09/2017/TT-NHNN ngày 14/08/2017 và Thông tư số 32/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các văn bản khác có liên quan.

Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn

Dự phòng các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa phần vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị nhận đầu tư và vốn chủ sở hữu thực có trên báo cáo tài chính gần nhất của các đơn vị nhận đầu tư tại thời điểm cuối kỳ kế toán nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Ngân hàng so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được ghi nhận như một khoản chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.6 . Các hợp đồng mua và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi vào khoản mục "Các khoản phải thu" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 38 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 13 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 11 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 - 08 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn được cấp.

4.8 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, không thực hiện trích khấu hao.

4.9 . Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Ngân hàng là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

4.10 . Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Mức trích lập dự phòng đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng (Xem Thuyết minh số 4.4).

4.11 . Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước được phản ánh theo giá gốc.

4.12 . Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.13 . Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng được ghi nhận theo giá gốc.

4.14 . Phát hành giấy tờ có giá

Phát hành giấy tờ có giá được ghi nhận theo giá gốc và các khoản phân bổ phụ trội hoặc chiết khấu lũy kế. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

4.15 . Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Ngân hàng từ 12 tháng trở lên tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Ngân hàng phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó dựa trên số năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân trong vòng 6 tháng trước thời điểm thôi việc của nhân viên đó.

4.16 . Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu và được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế mỗi năm, số dư tối đa của quỹ không vượt quá vốn điều lệ hiện có của tổ chức tín dụng. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ sẽ được chuyển sang vốn điều lệ khi có sự phê chuẩn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế;
- Các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các Quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của Pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Ngân hàng. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Ngân hàng có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng sau khi có thông báo chia cổ tức của Ngân hàng và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.17 . Thu nhập và chi phí*Thu nhập lãi*

Thu nhập từ lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 và các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thu được tiền.

Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ và cổ tức

Các khoản thu nhập từ hoạt động dịch vụ được hạch toán trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức bằng tiền mặt được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức từ các khoản đầu tư của Ngân hàng được xác định. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thương nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.

4.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp*Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Ngân hàng được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên các Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.19 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.20 . Các khoản mục ngoại bảng

Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên các chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày có hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền gốc danh nghĩa. Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch phát sinh từ các lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Ngân hàng có các khoản cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Theo Thông tư 11, Ngân hàng phải thực hiện phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm (xem Thuyết minh số 4.4) để thực hiện quản lý.

4.21 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày gửi và các khoản mục chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.22 . Cán trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cân trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cân trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

4.23 . Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, cho vay khách hàng, chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, đầu tư dài hạn khác, các tài sản phái sinh và các tài sản tài chính khác.

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- Tài sản tài chính kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu;
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Nợ phải trả tài chính

Các khoản nợ phải trả tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, giấy tờ có giá đã phát hành, các khoản nợ phải trả phái sinh và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- Các khoản nợ phải trả tài chính kinh doanh;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là bên có liên quan của Ngân hàng là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng là công ty mẹ của Ngân hàng;
- Công ty con của Ngân hàng;
- Công ty có cùng công ty mẹ hoặc cùng tổ chức tín dụng mẹ của Ngân hàng;
- Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng mẹ của Ngân hàng;
- Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc tổ chức tín dụng mẹ của Ngân hàng;
- Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;
- Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;
- Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;
- Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Ngân hàng;
- Cá nhân được ủy quyền đại diện phân bổ vốn góp, cổ phần cho Ngân hàng.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Ngân hàng chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Ngân hàng nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Ngân hàng một cách toàn diện.

5 . Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	659.953	605.223
Tiền mặt bằng ngoại tệ	51.830	44.729
	711.783	649.952

6 . Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước	786.421	1.023.135
- Bằng VND	744.461	1.019.798
- Bằng ngoại tệ	41.960	3.337
	786.421	1.023.135

7 . Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

7.1 . Tiền gửi tại các TCTD khác

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	4.902.373	2.429.048
- Bằng VND	3.428.328	916.895
- Bằng ngoại tệ	1.474.045	1.512.153
Tiền gửi có kỳ hạn	6.134.854	6.251.302
- Bằng VND	6.100.000	6.100.000
- Bằng ngoại tệ	34.854	151.302
	11.037.227	8.680.350

7.2 . Cho vay các TCTD khác

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay bằng VND	857.578	1.915.703
- Trong đó: chiết khấu, tái chiết khấu	857.578	1.915.703
	857.578	1.915.703

Tổng tiền gửi và cho vay các TCTD khác

11.894.805	10.596.053
-------------------	-------------------

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	6.992.432	8.167.005
	6.992.432	8.167.005

8 . Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán nợ	4.768.290	8.528.001
Chứng chỉ tiền gửi	4.768.290	8.528.001
	4.768.290	8.528.001

Phân tích chất lượng dư nợ chứng khoán kinh doanh được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	4.768.290	8.528.001
	4.768.290	8.528.001

Thuyết minh tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán Nợ	4.768.290	8.528.001
- Chưa niêm yết	4.768.290	8.528.001
	4.768.290	8.528.001

9 . Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)	
		Tài sản	Công nợ
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	103.023	103.023	-
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	103.023	103.023	-
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	103.023	103.023	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	5.097	5.097	-
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	5.097	5.097	-
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	5.097	5.097	-

10 . Cho vay khách hàng

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	94.119.762	84.597.291
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	250	500
Cho vay theo chỉ định của Chính phủ	588	588
	94.120.600	84.598.379

Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	92.989.575	83.787.699
Nợ cần chú ý	617.146	155.377
Nợ dưới tiêu chuẩn	42.180	61.465
Nợ nghi ngờ	49.635	40.122
Nợ có khả năng mất vốn	422.064	553.716
	94.120.600	84.598.379

Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ ngắn hạn	43.530.839	39.677.845
Nợ trung hạn	14.211.964	13.994.574
Nợ dài hạn	36.377.797	30.925.960
	94.120.600	84.598.379

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	17.415.144	16.424.267
Khai khoáng	1.342.750	960.995
Công nghiệp chế biến, chế tạo	31.919.032	28.014.383
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	1.232.737	1.308.117
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	2.049.771	2.561.865
Xây dựng	5.082.162	5.113.759
Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	9.131.067	6.367.877
Vận tải kho bãi	1.223.428	1.098.889
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	98.246	389.914
Thông tin và truyền thông	77.976	137.441
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1.209.078	154.599
Hoạt động kinh doanh bất động sản	5.458.137	2.103.057
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	33.206	20.392
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	91.374	49.083
Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	19.560	21.428
Giáo dục và đào tạo	1.256.763	1.474.078
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	21.213	72.922
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	253.358	262.892
Hoạt động dịch vụ khác	10.520.191	9.961.018
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	5.681.901	8.098.265
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	3.506	3.138
	94.120.600	84.598.379

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế	31.287.030	25.693.976
- Công ty TNHH	11.127.540	6.983.015
- Công ty Cổ phần	20.123.848	18.699.930
- Doanh nghiệp tư nhân	3.606	5.007
- Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	32.036	5.949
- Công ty hợp danh	-	75
Cho vay cá nhân	62.833.570	58.904.403
	94.120.600	84.598.379

11 . Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng chung	(702.739)	(615.016)
Dự phòng cụ thể	(344.379)	(445.096)
	(1.047.118)	(1.060.112)

Chi tiết tăng/giảm dự phòng rủi ro tín dụng:

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Năm nay			
Số dư đầu năm	(615.016)	(445.096)	(1.060.112)
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	(99.964)	(38.716)	(138.680)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	12.241	14.055	26.296
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	-	125.378	125.378
Số dư cuối năm	(702.739)	(344.379)	(1.047.118)
Năm trước			
Số dư đầu năm	(558.684)	(263.099)	(821.783)
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	(63.953)	(189.089)	(253.042)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	7.621	1.832	9.453
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	-	5.260	5.260
Số dư cuối năm	(615.016)	(445.096)	(1.060.112)

12 . Chứng khoán đầu tư

12.1 . Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán Nợ	12.839.884	11.745.780
- Chứng khoán Chính phủ	3.882.099	3.896.028
- Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	5.227.636	5.649.752
- Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	3.730.149	2.200.000
Chứng khoán Vốn	136.500	136.500
- Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	136.500	136.500
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(27.976)	(16.500)
- Dự phòng chung	(27.976)	(16.500)
	12.948.408	11.865.780

12.2 . Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	8.957.785	7.849.752
	8.957.785	7.849.752

13 . Góp vốn, đầu tư dài hạn

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản đầu tư dài hạn khác	162.845	162.845
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(19.967)	(15.813)
	142.878	147.032

13.1 . Chi tiết các khoản đầu tư như sau

Các khoản đầu tư	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá gốc	Tỷ lệ năm giữ	Giá gốc	Tỷ lệ năm giữ
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	115.500	4,91	115.500	4,91
- Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	2.000	0,83	2.000	0,83
- Tổng công ty MBLand	1.676	0,26	1.676	0,26
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	19.780	6,11	19.780	6,11
- Công ty Cổ phần Sông Lam Nghệ An	2.000	10,00	2.000	10,00
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	21.889	0,50	21.889	0,50
	162.845		162.845	

13.2 . Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(19.967)	(15.813)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	(17.967)	(13.813)
- Công ty Cổ phần Sông Lam Nghệ An	(2.000)	(2.000)
	(19.967)	(15.813)

14. Tài sản cố định hữu hình

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình năm nay:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	69.372	205.484	111.526	52.681	439.063
- Mua sắm trong năm	1.652	25.417	6.600	2.875	36.544
- Thanh lý, nhượng bán	(486)	(119)	(1.038)	(1.186)	(2.829)
Số dư cuối năm	70.538	230.782	117.088	54.370	472.778
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	36.536	123.898	59.452	44.703	264.589
- Khấu hao trong năm	2.383	19.318	8.770	3.335	33.806
- Thanh lý, nhượng bán	(486)	(118)	(1.038)	(1.186)	(2.828)
Số dư cuối năm	38.433	143.098	67.184	46.852	295.567
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	32.836	81.586	52.074	7.978	174.474
Tại ngày cuối năm	32.105	87.684	49.904	7.518	177.211

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

Tại 31/12/2022, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 177.400 triệu VND.

15 . Tài sản cố định vô hình

Tăng, giảm tài sản cố định vô hình năm nay:

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	564.919	109.544	674.463
- Mua trong năm	-	7.750	7.750
Số dư cuối năm	564.919	117.294	682.213
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.999	81.680	89.679
- Khấu hao trong năm	811	7.648	8.459
Số dư cuối năm	8.810	89.328	98.138
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	556.920	27.864	584.784
Tại ngày cuối năm	556.109	27.966	584.075

Tại 31/12/2022, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 71.664 triệu VND.

16 . Bất động sản đầu tư

Tình hình về bất động sản đầu tư năm nay:

	Nhà và quyền sử dụng đất	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	14.461	14.461
- Thanh lý, nhượng bán	(10.778)	(10.778)
Số dư cuối năm	3.683	3.683
Tại ngày đầu năm	14.461	14.461
Tại ngày cuối năm	3.683	3.683

17 . Tài sản Có khác

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản phải thu	663.435	191.405
Các khoản lãi, phí phải thu	2.886.583	2.438.595
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	82	83
Tài sản có khác	49.379	34.687
	3.599.479	2.664.770

17.1 . Các khoản phải thu

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Ký quỹ, thẻ chấp, cầm cố	16.926	21.952
Thuế GTGT được khấu trừ	697	796
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	2.377	2.372
Các khoản phải thu nội bộ	279.335	85.887
Các khoản phải thu bên ngoài	364.100	80.398
	663.435	191.405

17.2 . Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Lãi phải thu từ tiền gửi	28.331	3.017
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư	587.828	595.554
Lãi phải thu từ cho vay	2.270.206	1.814.429
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phái sinh	218	25.595
	2.886.583	2.438.595

17.3 . Tài sản cố khác

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Công cụ dụng cụ, vật liệu	23.648	15.735
Chi phí chờ phân bổ	25.731	18.952
	49.379	34.687

18 . Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
<i>Vay Ngân hàng Nhà nước</i>	52.584	95.504
Vay theo hồ sơ tín dụng	52.584	95.504
	52.584	95.504

19 . Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
<i>Tiền gửi của các TCTD khác</i>	11.047.110	9.060.479
Tiền gửi không kỳ hạn	3.396.760	896.479
- Bằng VND	3.396.760	896.479
Tiền gửi có kỳ hạn	7.650.350	8.164.000
- Bằng VND	7.250.000	7.711.000
- Bằng ngoại tệ	400.350	453.000

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
<i>Vay các TCTD khác</i>	43.029	26.089
- Bảng VND	42.225	25.245
- Bảng ngoại tệ	804	844
	11.090.139	9.086.568

20 . Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	6.976.087	3.047.940
- Bảng VND	6.959.934	3.027.543
- Bảng ngoại tệ	16.153	20.397
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	89.849.374	90.318.704
- Bảng VND	89.724.077	90.220.265
- Bảng ngoại tệ	125.297	98.439
Tiền gửi vốn chuyên dùng	29	27
- Bảng ngoại tệ	29	27
Tiền gửi kỳ quỹ	79.111	73.727
- Bảng VND	72.091	73.713
- Bảng ngoại tệ	7.020	14
	96.904.601	93.440.398

21 . Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Bảng VND	3.120	3.671
	3.120	3.671

22 . Phát hành giấy tờ có giá thông thường

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Kỳ hạn	Tổng giá trị theo Mệnh giá	Chiết khấu	Phụ trội	Giá trị thuần
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Từ 12 tháng đến 05 năm	6.202.481	-	-	6.202.481
Từ 05 năm trở lên (i)	1.635.400	-	-	1.635.400
	7.837.881	-	-	7.837.881

(i): Trong đó, số lượng trái phiếu được phân phối thành công từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 (đợt 1) (ngày kết thúc đợt chào bán: 19/09/2022) là 2.354.000 trái phiếu, mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu. Tính đến ngày 07/11/2022, toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu này (235.400 triệu đồng) đã được Ngân hàng sử dụng để bổ sung vốn cho vay trung - dài hạn dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, phù hợp với phương án sử dụng vốn đã được Hội đồng quản trị thông qua.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Kỳ hạn	Tổng giá trị theo Mệnh giá	Chiết khấu	Phụ trội	Giá trị thuần
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Từ 12 tháng đến 05 năm	4.113.965	-	-	4.113.965
Từ 05 năm trở lên	1.200.000	-	-	1.200.000
	5.313.965	-	-	5.313.965

23 . Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	70.018	18.615
Các khoản phải trả nội bộ	315.657	187.752
- Thừa quỹ, tài sản thừa chờ xử lý	103	115
- Các khoản phải trả công nhân viên	295.577	171.770
- Phải trả nội bộ khác	19.977	15.867
Các khoản phải trả bên ngoài	94.743	53.628
- Các khoản phải trả về XDCB, mua sắm TSCĐ	886	621
- Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	181	185
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	82.462	47.692
- Các khoản phải trả bên ngoài khác	11.214	5.130
	480.418	259.995

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á
 Số 117 Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

24 . Vốn chủ sở hữu

24.1 . Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp/ Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	7.531.355	7.398	564	470.634	215.056	826.136	9.051.143
Tăng trong năm	602.508	-	-	72.376	36.187	832.519	1.543.590
Tăng vốn trong năm	602.508	-	-	-	-	-	602.508
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	832.519	832.519
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm trước (i)	-	-	-	72.376	36.187	-	108.563
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	(794.302)	(794.302)
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm trước (i)	-	-	-	-	-	(191.794)	(191.794)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(602.508)	(602.508)
Số dư cuối năm	8.133.863	7.398	564	543.010	251.243	864.353	9.800.431

24 . Vốn chủ sở hữu

24.1 . Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

(i) Theo nghị quyết Đại hội Cổ đông Ngân hàng TMCP Bắc Á ngày 16/04/2022, Ngân hàng thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Số tiền
	Triệu VND
Trích các Quỹ	180.937
- <i>Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	36.187
- <i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	72.376
- <i>Quỹ phúc lợi</i>	36.187
- <i>Quỹ khen thưởng</i>	36.187
Thù lao HĐQT và BKS	10.857
Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông (8% vốn điều lệ) (ii)	602.508

(ii) Trong năm 2022, Ngân hàng thực hiện tăng vốn điều lệ từ 7.531.355.000.000 đồng lên 8.133.863.400.000 đồng theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, Ngân hàng phát hành thêm 60.250.840 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần qua hình thức phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm 2021.

24.2 . Chi tiết vốn đầu tư của Ngân hàng

	31/12/2022			31/12/2021		
	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vốn góp các cổ đông	8.133.863	8.133.863	-	7.531.355	7.531.355	-
Thặng dư vốn cổ phần	7.398	7.398	-	7.398	7.398	-
	8.141.261	8.141.261	-	7.538.753	7.538.753	-

24.3 . Cổ phiếu

	31/12/2022	31/12/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	813.386.340	753.135.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	813.386.340	753.135.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>813.386.340</i>	<i>753.135.500</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	813.386.340	753.135.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>813.386.340</i>	<i>753.135.500</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

25 . Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm 2022	Năm 2021
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập lãi tiền gửi	164.494	53.241
Thu nhập lãi cho vay	9.112.680	8.334.105
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	1.052.150	980.452
- <i>Thu lãi từ chứng khoán kinh doanh</i>	<i>296.327</i>	<i>337.269</i>
- <i>Thu lãi từ chứng khoán đầu tư</i>	<i>755.823</i>	<i>643.183</i>
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	12.225	10.279
Thu khác từ hoạt động tín dụng	470	80.751
	10.342.019	9.458.828

26 . Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Năm 2022	Năm 2021
	Triệu VND	Triệu VND
Trả lãi tiền gửi	7.464.176	6.926.726
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	364.504	334.053
Chi phí hoạt động tín dụng khác	140	80.821
	7.828.820	7.341.600

27 . Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
	Triệu VND	Triệu VND
Thu phí dịch vụ	126.936	90.073
- Dịch vụ thanh toán	29.226	26.670
- Dịch vụ ngân quỹ	1.193	922
- Dịch vụ ủy thác và đại lý	67.180	37.655
- Dịch vụ tư vấn	3.598	2.572
- Dịch vụ khác	25.739	22.254
Chi phí dịch vụ liên quan	(35.806)	(25.214)
- Dịch vụ thanh toán	(10.695)	(9.465)
- Dịch vụ ngân quỹ	(4.036)	(3.040)
- Dịch vụ ủy thác và đại lý	(9.344)	(5.621)
- Dịch vụ tư vấn	(4.918)	(5.804)
- Dịch vụ khác	(6.813)	(1.284)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	91.130	64.859

28 . Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm 2022	Năm 2021
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	172.255	103.959
- Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	172.255	103.959
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(120.615)	(74.362)
- Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(120.615)	(74.362)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	51.640	29.597

29 . Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	Năm 2022	Năm 2021
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	142.285	173.982
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(23.332)	(1.948)
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(11.477)	(2.625)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	107.476	169.409

30 . Lãi thuần từ hoạt động khác

	Năm 2022	Năm 2021
	Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động khác	156.698	160.252
- Thu từ các khoản nợ đã xử lý rủi ro	140.507	75.775
- Thu nhập khác	16.191	84.477
Chi phí liên quan đến hoạt động khác	(59.374)	(79.235)
- Chi phí liên quan ủy thác thu hồi nợ	(239)	(59)
- Chi phí khác	(59.135)	(79.176)
Lãi thuần từ hoạt động khác	97.324	81.017

31 . Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	Năm 2022	Năm 2021
	Triệu VND	Triệu VND
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần	6.907	1.978
- Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	6.907	1.978
	6.907	1.978

32 . Chi phí hoạt động

	Năm 2022	Năm 2021
	Triệu VND	Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	5.690	6.754
Chi phí cho nhân viên	1.084.319	756.394
<i>Trong đó:</i>		
- Chi lương và phụ cấp	908.619	619.813
- Các khoản chi đóng góp theo lương	83.278	66.138
- Chi trợ cấp	4.014	5.290
- Chi khác cho nhân viên	88.408	65.153
Chi về tài sản	200.433	184.159
<i>Trong đó:</i>		
- Khấu hao tài sản cố định	42.258	35.882
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	43.083	22.860
<i>Trong đó:</i>		
- Công tác phí	40.997	22.552
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	2.086	308
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo đảm tiền gửi của khách hàng	133.735	127.218
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	4.154	13.813
Chi phí hoạt động khác	244.919	200.936
	1.716.333	1.312.134

33 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại:	206.439	181.276
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	205.018	180.443
- Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Bắc Á	653	-
- Công ty TNHH Kiều Hôi Bắc Á	768	833
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	206.439	181.276
- Thuế TNDN phải nộp đầu năm	40.823	42.357
- Thuế TNDN đã nộp trong năm	(183.320)	(182.810)
Thuế TNDN còn phải nộp cuối năm	63.942	40.823

34 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Ngân hàng được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	832.519	726.339
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	832.519	726.339
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	832.519	726.339
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (i)	813.386.340	813.386.340
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.024	893

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2022/NQ-DHĐCĐ ngày 16/04/2022, Ngân hàng quyết định trả cổ tức năm 2021 và phân phối lợi nhuận để lại lũy kế đến hết ngày 31/12/2021 bằng cổ phiếu số lượng là 60.250.840 cổ phần (tương ứng 8% vốn điều lệ). Theo đó, Ngân hàng đã thực hiện điều chỉnh hồi tố lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của sự kiện nêu trên đối với số liệu so sánh năm trước theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Ngân hàng chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

35 . Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt tại quỹ	711.783	649.952
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	786.421	1.023.135
Tiền, ngoại hối gửi tại các TCTD khác (gồm không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 03 tháng)	11.037.227	8.680.350
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua	-	600.000
	12.535.431	10.953.437

36 . Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	Năm 2022	Năm 2021
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	3.254	2.702
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	908.619	619.813
2. Thu nhập khác	32.577	27.594
3. Tổng thu nhập (1+2)	941.196	647.407
4. Tiền lương bình quân (Triệu VND/người/tháng)	23,27	19,12
5. Thu nhập bình quân hàng tháng (Triệu VND/người/tháng)	24,10	19,97

37 . Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

	Số dư đầu năm Triệu VND	Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm Triệu VND
		Số phải nộp Triệu VND	Số đã nộp Triệu VND	
1. Thuế GTGT	828	16.010	(15.851)	987
2. Thuế TNDN	40.823	206.439	(183.320)	63.942
3. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.041	114.719	(103.227)	17.533
	47.692	337.168	(302.398)	82.462

38 . Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh, thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/ người nhập khẩu hàng hóa và bên thụ hưởng là người bán/ người xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hóa nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Rủi ro đối với nghiệp vụ thư tín dụng thường thấp, nếu Ngân hàng có thể kiểm soát được hàng hóa. Thư tín dụng trả chậm có thể tiềm ẩn rủi ro cao hơn thư tín dụng trả ngay. Khi Ngân hàng thực hiện trả tiền theo thư tín dụng/ cam kết bảo lãnh mà khách hàng không tiến hành thanh toán cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền cho vay bắt buộc theo thỏa thuận đã ký kết trước đó của Ngân hàng và khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Ngoài các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn nêu trên, Ngân hàng còn một số cam kết đưa ra cho các đối tác như cam kết thực hiện các hợp đồng mua bán giấy tờ có giá, cam kết cho vay không hủy ngang.

Cam kết cho vay không hủy ngang là các cam kết của Ngân hàng để cung cấp dịch vụ tín dụng cho khách hàng và không được hủy ngang vô điều kiện theo hợp đồng đã ký kết giữa các bên.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng vào ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Bảo lãnh vay vốn	272.873	93.986
Bảo lãnh khác	740.688	621.384
- Cam kết bảo lãnh thanh toán	108.802	122.002
- Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	134.151	102.112
- Cam kết bảo lãnh dự thầu	31.893	33.486
- Cam kết bảo lãnh khác	465.842	363.784
Cam kết giao dịch hối đoái	29.294.106	42.053.414
- Cam kết mua ngoại tệ	9.537.750	2.853.900
- Cam kết bán ngoại tệ	8.007.000	3.420.150
- Cam kết giao dịch hoán đổi	11.749.356	35.779.364
Cam kết cho vay không hủy ngang	207.293	152.189
	30.514.960	42.920.973
39 . Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được		
	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Lãi cho vay chưa thu được	544.144	634.584
	544.144	634.584
40 . Nợ khó đòi đã xử lý		
	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	821.144	814.855
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	1.816.839	1.664.851
	2.637.983	2.479.706
41 . Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính		

Mục tiêu của Ngân hàng là đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp Ngân hàng đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, điều này đòi hỏi Ngân hàng kết hợp một cách cân đối giữa các cam kết ngoại bảng (như bảo lãnh, thư tín dụng) với các khoản cho vay (bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ) đối với các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tín cậy khác nhau. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đầu tư một phần vốn lưu động vào các chứng khoán đầu tư hay cho các tổ chức tín dụng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức, đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao nhằm giúp cơ cấu báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã sử dụng cầm nang tín dụng, trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời.

41.1 . Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Ngân hàng. Ngân hàng có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Ngân hàng có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Ngân hàng cũng đã xây dựng hệ thống văn bản quy định chung về quản lý rủi ro tín dụng dựa trên các quy định của Ngân hàng Nhà nước và định hướng quản trị rủi ro nội bộ của Ngân hàng.

Hiện tại, bên cạnh việc thường xuyên điều chỉnh, cập nhật các mô hình và văn bản quy phạm nội bộ để phù hợp với tình hình hoạt động tín dụng tại Ngân hàng, Ngân hàng tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện mô hình Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ trong thời gian tới.

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng bao gồm các khoản Nợ nhóm 1 theo quy định tại Thông tư 11; các chứng khoán; các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019. Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

41.2 . Rủi ro thị trường

a. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro khi luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường.

Ban Tổng Giám đốc định kỳ rà soát rủi ro tiềm tàng của Ngân hàng trong bối cảnh kinh tế và điều kiện kinh doanh hiện hành, tập trung vào rủi ro lãi suất và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc gắn cơ cấu tài sản - nguồn vốn với những bất cân đối trong nguồn vốn tài trợ và rủi ro biến động lãi suất thị trường và đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu, hạn mức và quy định đặt ra.

Ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản mục tài sản và công nợ của Ngân hàng.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời gian còn lại tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền mặt; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản Có khác (bao gồm tài sản cố định và tài sản Có khác, trừ ủy thác đầu tư) được xếp loại khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.
- Tiền gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng.

- Thời hạn định lại lãi suất của chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ được tính trên cơ sở thời gian khả thi để chuyển đổi trái phiếu thành tiền mặt do danh mục này bao gồm các trái phiếu có tính thanh khoản cao và lãi suất cố định.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; các khoản chứng khoán đầu tư là chứng khoán nợ; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ Chính phủ và NHNN; các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác; các khoản tiền gửi của khách hàng; vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro và phát hành giấy tờ có giá được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lãi suất gần nhất tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ phải thu và các khoản nợ khác được xếp vào khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất hoặc kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng. Trong thực tế, các khoản mục này có thể có thời gian định lại lãi suất khác nhau.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á

Số 117 Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bảng phân tích tài sản và công nợ theo kỳ hạn lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Quá hạn	Không chịu lãi	Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian								Tổng		
			Dưới 01 tháng	Từ 01 đến 03 tháng	Từ 06 tháng đến 12 tháng	Từ trên 06 đến 05 năm	Từ trên 01 đến 05 năm	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND			
												Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN													
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	711.783	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	711.783
II Tiền gửi tại NHNN	-	-	786.421	-	-	-	-	-	-	-	-	-	786.421
III Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	7.037.227	4.000.000	-	-	735.393	122.185	-	-	-	-	11.894.805
IV Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	2.700.000	-	-	-	-	-	-	-	4.768.290
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	103.023	-	-	-	-	-	-	-	-	-	103.023
VI Cho vay khách hàng (*)	1.131.025	-	9.141.476	5.310.762	14.365.177	13.582.398	14.211.964	36.377.798	-	-	-	-	94.120.600
VIII Chứng khoán đầu tư (*)	-	136.500	-	-	-	-	6.707.297	6.132.587	-	-	-	-	12.976.384
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	162.845	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	162.845
X Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	764.969	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	764.969
XI Tài sản có khác (*)	-	3.599.479	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.599.479
Tổng tài sản	1.131.025	5.375.576	17.068.147	9.310.762	14.365.177	16.282.398	23.722.944	42.632.570	23.722.944	42.632.570	23.722.944	42.632.570	129.888.599

Bảng phân tích tài sản và công nợ theo kỳ hạn lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Quá hạn	Không chịu lãi	Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian								Tổng	
			Dưới 01 tháng		Từ 01 đến 03 tháng		Từ 06 tháng đến 12 tháng		Từ trên 01 đến 05 năm			
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND		
NỢ PHẢI TRẢ												
I Các khoản nợ chính phủ và NHNN	-	-	-	-	-	-	-	335	52.249	-	-	52.584
I Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	8.090.139	3.000.000	-	-	-	-	-	-	-	11.090.139
II Tiền gửi của khách hàng	-	204.192	7.937.566	6.104.111	12.712.855	14.564.913	17.349.145	38.031.819	-	-	-	96.904.601
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	3.120	-	-	-	-	3.120
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	-	-	6.202.481	1.635.400	-	-	7.837.881
VI Các khoản nợ khác	-	3.104.782	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.104.782
Tổng nợ phải trả	-	3.308.974	16.027.705	9.104.111	12.712.855	14.564.913	23.555.081	39.719.468	2.913.102	118.993.107	10.895.492	
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	1.131.025	2.066.602	1.040.442	206.651	1.652.322	1.717.485	167.863	2.913.102	10.895.492			
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội, ngoại bảng	1.131.025	2.066.602	1.040.442	206.651	1.652.322	1.717.485	167.863	2.913.102	10.895.492			

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

b. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VND và USD. Một số tài sản khác của Ngân hàng bằng các đồng tiền khác ngoài VND và USD. Ngân hàng thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Ngân hàng và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng phân tích tài sản và công nợ theo loại tiền tệ được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Các ngoại hối khác được quy đổi	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN				
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	10.461	41.369	-	51.830
II. Tiền gửi tại NHNN	-	41.960	-	41.960
III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	5.302	1.103.287	402.805	1.511.394
VI. Cho vay khách hàng (*)	-	91.145	-	91.145
XI. Tài sản có khác (*)	-	1.367	1.019	2.386
Tổng tài sản	15.763	1.279.128	403.824	1.698.715
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	401.154	-	401.154
III. Tiền gửi của khách hàng	8.883	142.098	13	150.994
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	4.406.205	-	4.406.205
VII. Các khoản nợ khác	8	1.515	-	1.523
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	8.891	4.950.972	13	4.959.876
Trạng thái tiền tệ nội bảng	6.872	(3.671.844)	403.811	(3.261.161)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	1.530.750	-	1.530.750
Trạng thái tiền tệ nội ngoại bảng	6.872	(2.141.094)	403.811	(1.730.411)

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

Tỷ giá quy đổi tại ngày kết thúc năm tài chính:

Ngoại tệ	31/12/2022
	VND
USD	23.550
EUR	24.990
JPY	175
AUD	15.790

Ngoại tệ	31/12/2022
	VND
SGD	17.440
GBP	28.300
CAD	17.270
HKD	2.900
CHF	25.300

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tình thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng cần đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ đáo hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng.
- Thời gian đến hạn của chứng khoán kinh doanh được tính dựa trên ngày đáo hạn trên hợp đồng hoặc ngày đáo hạn theo thời gian nắm giữ tối đa theo quy định của Ngân hàng tùy thuộc thời điểm nào đến trước.
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư là chứng khoán nợ được tính toán dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần được coi là từ một (01) năm đến năm (05) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn.
- Các khoản nợ Chính phủ và NNNN; các khoản tiền gửi và tiền vay của các TCTD khác; các khoản tiền gửi của khách hàng; vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro và phát hành giấy tờ có giá được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.
- Thời đến hạn của các tài sản có và các khoản nợ khác được tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á
Số 117 Quang Trung, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bảng phân tích tài sản và nguồn vốn theo kỳ đáo hạn thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Quá hạn			Trong hạn			Tổng
	Trên 03 tháng	Đến 03 tháng	Đến 01 tháng	Từ trên 01 đến 03 tháng	Từ trên 03 đến 12 tháng	Từ trên 01 đến 05 năm	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
TÀI SẢN							
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	711.783	-	-	-	711.783
II Tiền gửi tại NHNN	-	-	786.421	-	-	-	786.421
III Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	9.037.227	2.000.000	-	735.393	11.894.805
IV Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	450.000	-	4.018.290	300.000	4.768.290
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	103.023	-	-	-	103.023
VI Cho vay khách hàng (*)	513.879	617.146	12.623.942	11.753.327	18.022.544	34.947.309	94.120.600
VIII Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	136.500	599.974	3.437.553	6.551.868	12.976.384
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	162.845	162.845
X Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	202.545	764.969
XI Tài sản có khác (*)	-	-	359.948	1.439.791	1.799.740	-	3.599.479
Tổng tài sản	513.879	617.146	24.208.844	15.793.092	27.278.127	42.899.960	129.888.599
NỢ PHẢI TRẢ							
I Các khoản nợ chính phủ và NHNN	-	-	62	104	2.163	50.255	52.584
I Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	9.090.139	2.000.000	-	-	11.090.139
II Tiền gửi của khách hàng	-	-	13.066.939	12.188.232	24.207.574	30.944.258	96.904.601
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	3.120	3.120
V Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2.481	-	-	6.700.000	7.837.881
VI Các khoản nợ khác	-	-	608.371	236.373	249.473	1.708.323	3.104.782
Tổng nợ phải trả	-	-	22.767.992	14.424.709	24.459.210	39.405.956	118.993.107
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	513.879	617.146	1.440.852	1.368.383	2.818.917	3.494.004	10.895.492

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

42 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

43 . Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

Khu vực	Cho vay khách hàng và cho vay TCTD khác	Tiền gửi và tiền vay từ khách hàng và các TCTD khác	Các cam kết tín dụng	CCTC phải sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong nước	94.978.178	107.994.740	1.220.854	103.023	17.744.674
	94.978.178	107.994.740	1.220.854	103.023	17.744.674

44 . Báo cáo bộ phận

44.1 . Báo cáo Bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Huy động vốn và cho vay lại, kinh doanh chứng khoán và góp vốn mua cổ phần		Kinh doanh chứng khoán và góp vốn mua cổ phần		Khác		Hoạt động chung không phân bổ		Tổng cộng	
	Kỳ này/ Cuối kỳ Triệu VND	Kỳ trước/ Đầu kỳ Triệu VND	Kỳ này/ Cuối kỳ Triệu VND	Kỳ trước/ Đầu kỳ Triệu VND	Kỳ này/ Cuối kỳ Triệu VND	Kỳ trước/ Đầu kỳ Triệu VND	Kỳ này/ Cuối kỳ Triệu VND	Kỳ trước/ Đầu kỳ Triệu VND	Kỳ này/ Cuối kỳ Triệu VND	Kỳ trước/ Đầu kỳ Triệu VND
I. Doanh thu	10.472.079	9.622.531	6.907	1.978	468.113	364.563	-	-	10.947.099	9.989.072
1. Doanh thu lãi	10.329.794	9.448.549	-	-	12.225	10.279	-	-	10.342.019	9.458.828
2. Doanh thu từ hoạt động đầu tư	142.285	173.982	6.907	1.978	-	-	-	-	149.192	175.960
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	-	-	-	-	455.888	354.284	-	-	455.888	354.284
II. Chi phí	(7.863.628)	(7.346.173)	-	-	(215.795)	(178.811)	(1.716.333)	(1.312.134)	(9.795.756)	(8.837.118)
1. Chi phí lãi	(7.828.820)	(7.341.600)	-	-	-	-	-	-	(7.828.820)	(7.341.600)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-	-	-	-	-	(42.258)	(35.882)	(42.258)	(35.882)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(34.808)	(4.573)	-	-	(215.795)	(178.811)	(1.674.075)	(1.276.252)	(1.924.678)	(1.459.636)
Kết quả kinh doanh	2.608.451	2.276.358	6.907	1.978	252.318	185.752	(1.716.333)	(1.312.134)	1.151.343	1.151.954
(Chi phí)/Hoàn nhập dự phòng rủi ro	(112.384)	(243.589)	-	-	-	-	-	-	(112.384)	(243.589)
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.496.067	2.032.769	6.907	1.978	252.318	185.752	(1.716.333)	(1.312.134)	1.038.959	908.365

44 . Báo cáo bộ phận

44.1 . Báo cáo Bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Huy động vốn và cho vay lại, kinh doanh chứng khoán và góp vốn mua cổ phần		Kinh doanh chứng khoán và góp vốn mua cổ phần		Khác		Hoạt động chung không phân bổ		Tổng cộng	
	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ	Kỳ này/ Cuối kỳ	Kỳ trước/ Đầu kỳ
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
III. Tài sản (*)	121.607.571	115.452.165	299.345	299.345	106.924	45.153	7.874.759	5.087.568	129.888.599	120.884.231
1. Tiền mặt	-	-	-	-	-	-	711.783	649.952	711.783	649.952
2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	-	-	-	-	786.421	1.023.135	786.421	1.023.135
3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	6.992.432	8.167.005	-	-	-	-	4.902.373	2.429.048	11.894.805	10.596.053
4. Chứng khoán kinh doanh	4.768.290	8.528.001	-	-	-	-	-	-	4.768.290	8.528.001
5. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	-	103.023	5.097	-	-	103.023	5.097
6. Cho vay khách hàng	94.120.600	84.598.379	-	-	-	-	-	-	94.120.600	84.598.379
7. Chứng khoán đầu tư	12.839.884	11.745.780	136.500	136.500	-	-	-	-	12.976.384	11.882.280
8. Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	162.845	162.845	-	-	-	-	162.845	162.845
9. Tài sản cố định	-	-	-	-	3.683	14.461	761.286	759.258	764.969	773.719
10. Tài sản Có khác	2.886.365	2.413.000	-	-	218	25.595	712.896	226.175	3.599.479	2.664.770
IV. Nợ phải trả	118.512.689	110.480.668	-	-	-	-	480.418	259.995	118.993.107	110.740.663
1. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	52.584	95.504	-	-	-	-	-	-	52.584	95.504
2. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	11.090.139	9.086.568	-	-	-	-	-	-	11.090.139	9.086.568
3. Tiền gửi của khách hàng	96.904.601	93.440.398	-	-	-	-	-	-	96.904.601	93.440.398
4. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	3.120	3.671	-	-	-	-	-	-	3.120	3.671
5. Phát hành giấy tờ có giá	7.837.881	5.313.965	-	-	-	-	-	-	7.837.881	5.313.965
6. Các khoản nợ khác	2.624.364	2.540.562	-	-	-	-	480.418	259.995	3.104.782	2.800.557

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

44.2 . Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Thu nhập và chi phí phát sinh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 cũng như tài sản và nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2022 của Ngân hàng phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ngân hàng không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

45 . Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Ngân hàng có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm:

	Năm 2022	Năm 2021
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí lãi trả cho tiền gửi của	283	265
- Thành viên Hội đồng quản trị	152	94
- Thành viên Ban Tổng Giám đốc	125	167
- Thành viên Ban kiểm soát	6	4

Ngân hàng TMCP Bắc Á thực hiện chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát căn cứ theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2022 và Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được chi trả theo Quy chế lương của Ngân hàng TMCP Bắc Á.

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2022	31/12/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi của khách hàng	47.290	16.265
- Thành viên Hội đồng quản trị	40.461	6.779
- Thành viên Ban Tổng Giám đốc	6.545	9.309
- Thành viên Ban kiểm soát	284	177

46 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nghệ An, ngày 22 tháng 03 năm 2023

<p>Người lập biểu</p> <p style="text-align: center;"></p> <p>Đoàn Thị Trang Liên</p>	<p>Kế toán trưởng</p> <p style="text-align: center;"></p> <p>Nguyễn Hồng Yến</p>	<p>Tổng Giám đốc</p> <p style="text-align: center;"></p> <p>Thái Hương</p>
---	---	---



